24

Nhà nước 209 (1-12-1934)

# TÌNH-TRẠNG SINH-HOẠT DÂN-QUÊ HIỆN NAY

■

Đương cái lúc nạn kinh-tế khủng-khoảng triền-miên trong toàn-hạt, dẫu nơi thành-thị còn lắm nỗi nhiêu-khê, nữa là nơi dân quê. Dân quê là chỗ chỉ nhờ có cái lợi lông đất, bởi bồ-hôi nước mắt, chân lấm tay bùn làm ra. Tuyệt không còn có cái lợi gì ở ngoài đem vào bổ-cấp cho nữa. Vậy thì cái tình-trạng khó-khăn về kinh-tế của dân nhà quê bây giờ chẳng nói thì ai cũng rõ.

Tuy thế nhưng, ở nơi thành-thị, chốn cao sang xa-cách với dân quê, dù có biết cũng chỉ biết đại-khái mà thôi. Không phải là không có nhiều những bậc cầm quyền, những nhà xã-hội-học thường để tâm đến dân-sự, muốn nghe biết những điều lợi-hại của dân mà tìm phương cứu-chữa. Song vì tình-thế đã xa-cách với nơi của những kẻ mà mình muốn biết tình-trạng của họ, thì thế nào mà hiểu cho tường. Vậy nghĩa-vụ nhà ngôn-luận hả không nên thời-thường lưu-tâm mà về tới giữa chỗ nhân-dân người ta sinh-hoạt mà dò hỏi, xem xét lấy thực-tình thực-trạng, để cống-hiến làm tài-liệu cho các nhà trên đó nghiên-cứu dư.

Bài này trước xét về sự thu-hoạch vụ mùa năm nay, rồi nhắc lại vụ thuế tháng 5 vừa qua, để các bậc hữu-tâm về dân-quê hiểu-tỏ, sẽ vì dân tìm cách phòng-bị những điều hà-lạm cho dân được nhẹ gánh vác mà lo về vụ thuế tháng 5 sang năm cho được dễ-dàng hơn.

a) *Sự thu-hoạch về vụ mùa năm nay.* — Năm nay mưa bão nhiều, chỗ thì bị ngập, chỗ thì khi lúa giỗ bị bão đánh đập không kết được quả, thành-thử toàn hạt Bắc-kỳ không đâu là không bị thiệt-hại về mùa màng, ước bị mất đến quá nửa. Bởi vậy giá thóc cuối vụ gặt tháng 5 mới rồi 0$30 một thúng, mà giá thóc cuối vụ gặt tháng 10 này lên đến 0$50 một thúng. Đó là vì thóc ít chứ không phải là bán được ra ngoài nhiều mà lên giá.

Cũng vì thóc ít, việc làm không sẵn, mà chính giữa mùa, nhiều người dân quê bị ăn một bữa hoặc ăn đói. Thực như câu ngạn :

*Gạo một tiền mười thưng,*
*Mẹ con chết đói vì chưng không tiền.*

Vụ mùa năm nay, nghe ra các huyện đều xảy ra cái nạn gặt lúa trộm nhiều lắm. Song sự gặt lúa trộm còn thuộc về những kẻ trai-tráng; còn sự đàn bà trẻ con nhà nghèo đi dứt trộm lúa ban ngày lại càng đáng thương. Bọn đàn bà trẻ con nhà nghèo cứ dinh chỗ ruộng vắng thì xuống dứt, bất-kỳ nếp tẻ, còn xanh thì đem về rang rồi đâm ra làm cốm làm gạo mà ăn. Một làng kia không có nghề làm cốm, mà đầu mùa đêm nào cũng có tiếng dâm gạo bằng chầy tay bì-bẹp khắp làng. Đó là họ đâm cái thóc non đi dứt về. Thợ

gặt chỉ được mỗi ngày ba bốn xu công, mà không có việc cũng nhiều.

Thuế vụ ba nhiều làng còn thiếu, nay phải lo mà nộp cho đủ. Nhưng xem ra họ lo-liệu cũng có điều khó-khăn. Nghề nông là cái gốc sinh-lợi của dân-gian đã bị thiệt-hại như thế, nên chi các nghề công-thương ở chốn dân-quê lại càng tiêu-điều hơn là ở những nơi thành-thị. Nay đã đến cuối năm, gặt hái xong rồi, mọi khi thì bây giờ đương là cái thời-kỳ dân quê nhộn-nhịp sắm sửa đồ ăn dùng, đồ phục-sức, các nhà công-thương quanh năm chỉ nhờ có dịp tết đến này trao-trát chút lợi. Thế mà bây giờ các chợ, các phố ở các hạt đều còn im-ả, hàng bày ra chỉ ngồi mà nhìn. Coi đó thì biết dân quê bây giờ hầu như hết cả tiền rồi.

b) *Sự khó-khăn về vụ thuế tháng 5 vừa qua.*— Lúa vụ chiêm năm nay cũng xấu, thuế đinh và thuế điền năm nay, những hạt mọi năm phân-trưng, năm nay đều toàn-thu vào một vụ chiêm cả,

Trong kỳ thuế, vì nghĩa-vụ, nhân-dân phải lo-liệu thế nào miễn cho khỏi thiếu sưu-thuế, không quản thiệt-hại. Thứ xuất-sản chính là thóc phải bán đổ bán tháo đi : mỗi thùng (hòm trẻ Xương-mậu 4 lạng) 0 $ 35 thóc tốt. Bán xong thì đi vay thóc khác về ăn. Hoặc vay mà bán đi để nộp sưu-thuế cũng nhiều.

Đó là nhà còn có thóc, nhà còn vay được, bằng không thì bán những thứ khác : Trâu trước 50 đồng một con thì nay dưới 20 đồng, xấu hơn 10 đồng, 8 đồng, 6 đồng. Hương-án đem chợ Sặt, 3 $ 50 một chiếc sơn son vẽ bạc còn mới mà ước làm đến 15 đồng trở lên. Lại bán cả đến cái ỷ thếp vàng nuột mà bán được 3 đồng. Mâm thau đem cầm cứ 2 $ 50 một chục.

Con trai đứa 14 tuổi, cố lấy 5 thúng thóc. Con gái 15 tuổi ngoan-ngoãn làm được mọi việc cũng cố được có 6 đồng. Còn những đứa con trai con gai trên dưới 10 tuổi đã bế được em, bán quá phòng-tử lấy đủ tiền nộp một suất-sưu (2 $ 70).

Ruộng có nơi nhường cho người ta nộp thuế mà cấy vụ mùa này không phải trả thóc thuế. Song cũng còn nhiều làng, quan trên cho chịu lại ít nhiều đến vụ mùa sẽ lo nộp đủ.

Kẻ dân nghèo thiếu sưu lánh đi nơi khác cũng nhiều. Xét như vậy thì dân-gian bây giờ thật khiếm đồng tiền quá. Trong một huyện chỉ được một hai nhà giàu đã lâu, cho vay nhiều là còn có tiền mà thôi. Nhưng nay sự cho vay khó đòi, họ cũng thiệt-hại.

Cày cấy thì vì thóc hạ giá mà lỗ vốn nhiều. Dân-cư, cửa nhà tiêu-điều, sinh nhai tiêu-tụy. Những đồ đồng đồ cổ cầm ở nhà cầm đồ trên tỉnh trước kỳ thuế, cầm giá rất hạ, cái đỉnh to bằng cái thúng cầm 6 đồng, đại-khái cái khác cũng đều giá hạ như thế, nay quá hạn mà chịu bỏ không chuộc được nhiều lắm.

Thợ mộc, thợ nề không có việc làm nằm dài ở nhà cũng nhiều.

Sự lo đóng góp sưu thuế của nhân-dân chốn thôn-quê bây giờ, đã khó-khăn như thế, thế mà nhiều những cái những-lạm về sưu-thuế từ xưa di-truyền lại, vẫn chưa trừ bỏ. Nay tóm lại có ba điều cần nên cải-cách trừ bỏ như sau :

1°) Các làng sau khi thôi làm sổ chi thu, thì các khoản hoa-lợi chung và tiền chiết-cạn các lệ, họ cũng vẫn thu. Nhưng nay sổ-sách không minh-bạch, hương-hội, lý-dịch lại dễ hà-lạm đi. Nếu những khoản về hoa-lợi chung ấy mà bắt được bọn hương-hội lý-dịch

phải tiêu về việc công nào sác-thực mà tiêu tiết-kiệm chứ thôi, còn để dành mà giúp dân-đinh về khoản phụ-nạp cho hàng tỉnh và các khoản ngoại khác, thì nhiều làng có thừa tiền để sung vào số đó được. Như thế thì dân-đinh chỉ phải nộp có 2 đồng 25 xu chính-cung trong cái thẻ thuế thân mình. Còn những tiểu chiết-cau « ma chay » nên bãi đi hết, mà cấm không được đòi nợ miệng của nhau. Như thế thì kẻ dân nghèo đỡ đóng góp nặng, kẻ hào-đố hết hà-lạm, mà nhà nước không lo gì dân thiếu sưu thuế. Tiền tiêu về hàng tỉnh bổ vào nóc xã chiếu theo suất đinh mà do khoản của công đem nộp, thực là phải lắm. Các làng hầu hết có khoản hoa-lợi chung ấy. Dân-đinh bây giờ mà đỡ lo đi được răm hào là hạnh-phúc lắm. Vậy nên bắt các xã cứ chiếu trong địa-bạ mới mà kê những khoản hoa-lợi ấy ra, liệu để góp vào những khoản phụ-nạp bản-tỉnh ấy cho đủ, còn mới được tiêu gì thì tiêu.

2°) Cứ trong thẻ thuế thân năm nay, trừ số được giảm đi, chỉ còn có 2 đồng 25 xu với phụ-nạp bản-tỉnh 22 xu rưỡi. Thế nhưng dân vẫn phải nộp theo trong sổ bổ trình huyện là 2 đồng 7 hào, có làng còn nhiều hơn. Họ gọi thế là chính-cung đó. Là do thế này: Trừ sưu cho mấy tên tuần-phu, ứng sưu cho vài người chết v. v..., mà đem số đó bổ đều cho dân-đinh, nên mới thành ra số 1 đồng 27 xu là chính-cung. Sở-dĩ họ không lấy tiền công khác mà đóng cho tuần-phu hay là cho người chết nào mà vợ con quá nghèo, mà làm cách quân-bổ như thế, là cái mẹo của họ làm cho rắc-rối và phải bổ-tính khó-khăn thì mới nhân mà lạm-thu được. Ngoài số trên kia, mỗi suất đinh ít ra còn phải cho lý-trưởng một hào ngoại-phí nữa.

Nay nếu bắt được các làng, làng có tiền công để nộp thay cho đinh về số phụ-nạp bản-tỉnh, thì mỗi suất đinh chỉ còn phải đóng có 2 đồng 25 xu. Còn làng nào ít của công thì mỗi suất đinh cũng chỉ đến 2 đồng 45 xu rưỡi mà thôi. Còn số cho lý-trưởng ngoại-phí đi lên tỉnh đổ thuế cũng tiền gì thì cứ lấy vào tiền công khác. Như thế thì việc thu sưu không phải hội bổ và làm sổ trình quan cho phiền-phí nữa.

Còn thuế điền thì còn phải bổ là vì: Một là họ muốn bổ san cho ba hạng điền trong làng chịu thuế đều nhau; hai là thuế những chỗ đất, đình, chùa, gò đống, ngòi lạch v. v., thì bổ cho điền phải gánh. Nhưng trừ-phí năm nào Nhà-nước có tăng giảm khoản nào thì mới khác đi, còn số tiền thuế với số ruộng phải gánh, năm nào mà chẳng như thế, vậy thuế điền có phải bổ, cũng chỉ bổ một lần rồi cứ theo ngạch của làng, năm nào cũng cứ thế mà thu nạp. Sao còn cứ phải mỗi năm một lần bổ? Hội-bổ tốn-phí, trình quan tốn-phí, lý-trưởng hà-lạm là do ở đó. Quan biết lý-dịch hà lạm, nhưng nó có hà-lạm thì mình mới có lẽ, nên quan cũng làm thinh. Vì thế lý-dịch thường giấu không cho dân biết số thuế đã bổ năm ấy mỗi mẫu là bao nhiêu. Hoặc họ phao-ngôn lên, hoặc họ cho rao mõ tăng lên, có khi tăng trong ngoài 1 đồng cũng có, thế rồi họ cứ nạt dân ngu, dân ba góa mà lấy. Bây giờ cày cấy lỗ vốn, dân-tình không khan nổi những sự tệ-hại như thế được.

Muốn trừ tệ hà-lạm về sưu-thuế, thì đừng bắt dân phải mỗi năm một lần bổ sưu-thuế nữa. Sưu đã có định-ngạch chung cả nước rồi, còn thuế điền thì mỗi xã bổ một lần đầu rồi

bắt hương-hội phải yết ra đình hay là công-quán cho dân nhớ lấy làm định-ngạch, xã nào không yết mà thu thì bị trọng-phạt.

Đầu năm các xã kê số đinh thì kê luôn cả số điền thổ mỗi mẫu bao nhiêu tiền thuế, do số đã bổ cũ thành ngạch rồi, để quan sở-tại biết và giữ một bản làm ghi.

3o) Cách thu nạp sưu thuế. Người dân quê Việt-Nam rất chịu lo đóng góp, vả trước kia dễ làm ăn, bọn chức-dịch nhân đó lợi-dụng mà hà lạm, vì thế vụ thuế là mùa-màng thu-hoạch của lý-dịch, chánh-tổng, quan-nha, linh-tráng, súm vào mà vơ-vét. Nhưng nay tình-thế làm ăn khó quá, mà dân-trí cũng đổi thay, khó làm ăn thì người ta phải thiết đồng tiền, dân khôn thì họ không chịu ức. Tưởng quan trên nên tìm cách trừ tệ ấy cho dân.

Xem vụ thuế năm nay, nhiều làng có lý-trưởng bị khuyết, Hội-đồng tộc-biểu phải đứng ra làm sưu thuế mà cũng châu tất, họ lại càng lo sợ mà không dám hà-lạm như lý-trưởng. Sưu thì họ nào tộc-biểu ấy thu, thuế điền thì công thu tại đình, công-cộng tai mắt cả làng, không như lý-trưởng thường thu ở nhà để dễ ỷ-thế mà nạt-nộ dân làng.

Như vậy thì sưu thuế cứ giao hội-đồng công-thu rồi đưa lý-trưởng đem nộp kho bạc, khi nào thiếu một vài suất sưu bởi kẻ quá khốn cùng thì lấy tiền công ra ứng.

Nhà-nước nên minh-sức cho dân biết rằng nếu hương-hội lạm-thu mà dân không chịu nổi, thì cho dân cứ tự-do đi biệt-nạp tại quan phủ-huyện hoặc quan Sứ. Từ một suất sưu, 5 sào ruộng trở lên, các quan ấy phải nhận mà gọi hương-hội làng ấy lên nhận. Nhà-nước không sợ cho như thế sẽ sinh phiền, nhưng không phải, vì rằng dân nếu không bị hà-lạm quá thì không mấy người muốn biệt nạp vất-vả như thế làm gì.

Lại có huyện có lệ bắt các lý-trưởng trình bạc thuế để kiểm, rồi chiếu lệ mỗi trăm bạc phải nộp cho quan là mấy đồng, nha lệ trở xuống mỗi người bao nhiêu. Còn chánh-tổng đi đốc thuế thì đòi tiền tọa-đốc. Tóm lại vì nhiều sự hà-lạm như thế, lý-trưởng không tham-nhũng cũng không được. Tham-nhũng để cung-đốn và lấy lợi cho mình mà dân thành bị hại. Tổng-cộng số hà-lạm mỗi kỳ sưu thuế ước có thể tới một phần mười của số chính-ngạch về thuế Nhà-nước.

Trong lúc làm ăn khó-khăn này, dân-sự lo cho đủ được sưu thuế cho Nhà-nước thực không phải là dễ. Tưởng các ngài có lòng thương dân và vì việc nước, nên lưu-tâm đến chỗ đó.

NGUYỄN HỮU-TIẾN

# MỘT NHÂN-VẬT TỈNH BẮC-NINH

## Ông CAO-BÁ-QUÁT (1)

Thưa các ngài,

Trong khoảng mấy mươi năm về trước, ở nước ta Nho-giáo đang thịnh hành, sĩ-phu được người đời tôn-sùng kính-trọng lắm. Câu : « Sĩ-khả bách-vi » (người học-trò có thể làm được trăm việc) đã hầu thành sáo-ngữ.

Song tiếc thay phần đông chỉ thiên về lối học tìm từng câu, dò từng chữ, hay thi đỗ làm quan, ngoài ra không mấy người lưu tâm chuyên-chú về tinh-thần triết-học.

Giản-hoặc có một hai người vượt ra ngoài « khuôn sáo » không theo lối văn « cử-nghiệp » thời người đời lại mỉa mai là « ngông » là « dởm ».

Tuy thế ngoài những nhà Nho tôi vừa nói trên thời ấy cũng có sản-xuất ra mấy ông tài-học uyên-bác, tính-tình lỗi-lạc, biết đạt nghĩa-lý của thánh-hiền, văn-chương chỉ lấy lãng-mạn làm tinh-thần, không câu-nệ hay câu nhắc từng câu, từng chữ, học-thuyết cốt lấy chân-lý làm cội-rễ ; vì thấy người đời lăn-lóc trong trường danh-lợi nên riêng mình giữ lấy tiết-tháo thanh-cao rồi một đời khẳng-khái, không chịu khuất-phục để mưu lấy kế sinh-nhai.

Nhưng khốn thay, cũng như ngày nay, các tấm văn-bằng dùng để chứng-chỉ tài cao-thấp của người học-trò, khi xưa cái bảng vàng bia đá cũng là cái thước để đo trình-độ học-vấn của các ông nhà Nho, nên những nhà Nho thuộc về phái lãng-mạn này bất-đắc-dĩ phải bước vào con đường khoa-cử, rồi thì từ chân tú-tài cử-nhân, ép mình ra làm quan.

Tài học đã không theo thời-thế, tính-tình lại không thích-hợp với bạn đồng-liêu, phỏng cái hoạn-bộ có gì là xuất-sắc. Cho nên mới xảy ra nhiều việc mâu-thuẫn, mâu-thuẫn đến nỗi sinh cho các ông ấy cái lòng công-phẫn và yếm-thế, thổ-lộ trong câu văn, lời nói, truyền đến ngày nay.

Ông Cao Bá-Quát mà chúng tôi ôn lại thân-thế văn-chương hầu các ngài hôm nay, là một nhân-vật xuất-sắc trong phái nhà Nho khẳng-khái về thế-kỷ trước.

Chúng tôi mới gom góp được ít tài liệu về bậc kỳ-tài ấy cũng xin đánh bạo hầu chuyện các ngài, còn mong các ngài thể-lượng và bổ cứu cho (2).

Sinh-trưởng trong một nhà thi-thư, đời đời khoa-giáp, ở làng Phú-thụy huyện Gia-lâm tỉnh Bắc-ninh, ông Cao Bá-Quát có khiếu thông-minh từ thủa nhỏ. Ông thụ-nghiệp với ai thì không

---

*(1) Nói chuyện tại hội Tri-tri Hà-nội ngày 29 Novembre 1934.*

*(2) Những tài-liệu trong bài này phần nhiều là nhờ cụ tham Nguyễn Văn-Tố tìm hộ, và những câu chuyện là nhờ ông Thoa Thoa (cháu ông Cao Bá-Quát) mách giùm, vậy xin trân-trọng có mấy lời cảm tạ.*

rõ, cứ lời truyền lại ông là bậc kỳ-tài. Ông thường tự-phụ rằng : Trong thiên-hạ có bốn bể chữ mà ông được hai bể. Văn-chương của ông, ông cố thoát-ly khuôn-sáo trường-ốc, nhiều câu tài-tình, cả một vùng Gia-lâm, Đông-ngàn, hồi ấy sĩ-tử nghe văn ông Quát đều phục cả.

Nay xin thuật tự năm ông 13 tuổi ông đi thi hạch, đầu bài thơ ra « Thiếu-niên anh-tuấn » ông làm phải câu dưới thất-niêm, nhưng vì bài thơ hay quá, quan trường tiếc tài cứ cho đỗ đầu-sứ tỉnh Bắc, học trò không ai dám dị-nghị gì cả.

Năm Minh-mệnh thứ 12 (1831) ông cùng người anh đẻ sinh-đôi là Cao Bá-Đạt, cùng đi thi hương, qua mấy kỳ văn, đến ngày phóng-bảng ông Quát đỗ Thủ-khoa mà ông Đạt thì đỗ á-nguyên (đỗ thứ hai). Quan trường thấy sự lạ, hai anh em đẻ sinh đôi, văn cùng hay lại cùng đỗ một khoa, lúc ban áo mũ ngài nắm ông Quát mà ra câu đối rằng :

*Nhất bào song sinh, nan vi huynh, nan vi đệ* (một cái bọc sinh ra, không biết ai là anh, không biết ai là em).

Ông Quát liền ứng khẩu đọc ngay :

*Thiên tải nhất ngộ, hữu thị quân, hữu thị thần* (nghìn năm mới gặp một lần, có vua thế, nên mới có bầy-tôi như thế).

Nghe câu này có ý nói nếu ông làm được vua thì ông Đạt là bầy-tôi đấy. Nghe câu ấy quan trường là người hiền lành bậc nào cũng phải để tâm nghĩ : « tay này về sau là một tay đào-đề đây ».

Gặp khoa thi Hội ông cũng vào kinh quyết làm cái đại-khoa. Nhưng từ khi ông đỗ, tiếng-tăm lừng-lẫy, các quan trường không những ghen, lại thêm ghét, cho nên mỗi khoa thi Hội là có khẩu-hiệu đánh hỏng.

Có một khoa ông đã vào đủ cả bốn kỳ rồi, văn kỳ nào cũng tốt, bất-đồ đến khi yết-bảng, ông lại phải ra bảng con, vì kỳ đệ-nhất ông đã phạm tội « Huề-hiệp văn-thư » nghĩa là đem văn bài sách vở vào trường, tức là thi gian, ông tức quá, vì không hề có mang sách vở gì vào trường cả, về sau nhờ người dò-la mới biết họ gọi « văn thư » đó chỉ là tờ giấy nhận thực của lý-trưởng; ông Quát sơ-ý bỏ tờ ấy vào cháp, lúc vào cửa trường lại-phòng người phần việc) lục cháp lấy đem nộp quan, người ta để cho ông vào đủ bốn kỳ là định tìm lỗi khác, bất-đồ bốn kỳ văn đều hay, họ mới bới lỗi ấy ra mà đánh hỏng. Vua Minh-Mệnh trọng tài học của ông, định cho khoa lấy đỗ, sau vì các quan trường kiếm cớ « dìm » đi nên ông thi cứ rớt mãi.

Cũng bởi mấy phen thi hỏng, ông mới sinh lòng công-phẫn ; thậm-chí có kỳ thi ông dùng cả bốn lối chữ : triện, lệ, chân, thảo để viết văn, mà lối nào cũng tốt lắm, lại có phen gặp được đầu bài thích-chí, sao ông cũng có một vài câu văn « phá bút » không theo lệ trường thi, cái cớ bị truất-lạc cũng lại ở đấy nữa.

Bước công danh lận-đận, ông không đi thi nữa, chỉ lang-thang ngao-du, nơi này nơi khác, lấy non nước cỏ cây làm bạn, có khi gặp bàng rượu vào uống năm ba chén, rồi thất-thểu vào các trường học ghẹo ông đồ này một bài thơ, quan bảng kia vài câu phú, các ông ấy cho học trò ra tìm thì đã đi mất, nên một hồi ở tỉnh Bắc có câu chuyện ông Tiên Lữ-Đồng-Tân xuống thử học trò.

Cái đời lang-thang lãng-mạn của ông cứ hết ngày ấy qua ngày khác, có khi hết tiền lại tìm đến những chỗ bạn học cũ. Buổi ấy cái tình bằng-hữu rất

là mật-thiết, bè-bạn chơi với nhau lấy tình mà chơi, chứ không vì tiền, hay vì danh-giá, ở với nhau như anh em ruột thịt, hoạn-nạn tương-cứu, nên ông Cao đi đến đâu là được biệt-đãi. Những huyện Gia-lâm, Đông-ngàn, Tiên-du, Siêu-loại, Văn-giang đều là những nơi ông từng qua lại.

Một ngày ông đi qua huyện nọ, sực nhớ quan huyện là chỗ đồng-học, ông ghé vào định nhờ bạn, chả may lại phải quan huyện hơi « nghiệt » sai lính ra nói: « Quan tôi ngơi » (nghĩa là đang ngủ) ông giận lắm bỏ đi, nhưng giao tên lính lệ cầm vào tặng quan huyện bài thơ :

*Một buổi hầu rồi một buổi « ngơi »,*
*Nào còn nhớ chữ viễn-phương lai ;*
*Mới sang chừng ấy « ngơi » chừng ấy,*
*Sang nữa thời « ngơi » biết mấy đời !*

Quan huyện cho tìm thời ông đã đi xa mất rồi.

Một lần ông qua vùng Siêu-loại (tức là phủ Thuận-thành bây giờ), tiền hết mà bụng đói, hai thầy trò đang gặp lúc cùng thì nghe tiếng kèn trống đám ma. Ông bèn bảo bầy tớ đi theo vào làng tìm đến nhà đám vào hỏi thăm rồi xưng mình là học trò nghèo có câu đối sang viếng.

Hiếu-chủ chưa kịp trả lời thì ở giường bên cạnh có mấy ông ngồi ngất-ngưởng vào mặt văn-thân trong hàng huyện gọi ngay ông mà bảo rằng : « Ừ nhà thầy đã nhận là học trò, có câu đối gì đọc nghe, nếu còn kém, chúng ta đây phủ-chính cho. Ông Quát đến trước linh-tọa đọc rằng :

*Thấy xe thiên-cổ sịch đưa ra, không thân thích nhẽ đâu mà khóc mướn ;*
*Tưởng sự bách-niên dừng nghỉ lại, não can-tràng nên mới phải thương vay.*

Cứ xem 2 câu này thì biết rằng lối dùng câu đối nôm có đã lâu, không phải ngày nay mới thịnh-hành, mà chính ông Cao Bá-Quát đã khéo dùng thể văn ấy trước nhất.

Ông Quát đọc xong câu đối, các ông văn-thân ngơ-ngác lấy làm lạ thì-thầm bảo nhau : « Khẩu-khí này lại thằng Quát mất rồi ». Bàn thế rồi chụt xuống chạy ra chèo-kéo mời ông Quát ngồi, gạn hỏi mãi, sau ông mới nói thực, ông nào ông ấy cứ xin lỗi mãi, rồi hò nhà chủ dọn cỗ mời ông xơi.

Thế là thầy trò ông Quát được bữa no.

Lại một lần ông qua chơi một ngôi chùa mới làm xong, sư cụ nghe tiếng ông là một văn-sĩ xin ông nghĩ hộ mấy chữ để đề trên Tam-bảo, ông không nghĩ-ngợi gì viết ngay ba chữ « Thiên Nhân Sư ». Cả chùa không ai biết lấy ở sách nào. Nhưng đã chót xin cứ đem khắc lên Tam-bảo.

Có người đàn-việt trong huyện đến chùa thấy ba chữ ấy nói với sư cụ rằng người nào đề ba chữ này có ý « rủa » nhà chùa, sư cụ tức lắm đã toan hủy đi.

Về sau có một nhà văn-sĩ qua vãng cảnh, sư cụ lại đem ra hỏi, nhà văn-sĩ cười bảo rằng : « Đấy là ông Quát tức cảnh Tam-bảo, vì đem chữ « nhân 人 » mà chắp lại với chữ « thiên 天 » thì thành chữ « Phật 佛 » tóm lại là hai chữ « Phật sư 佛 師 ». Ở Tam-bảo thì trên chỉ có Phật mà dưới chỉ có sư thôi. Nhưng không biết giảng như thế có phải đúng ý của ông Quát không ?

Hai câu chuyện trên đây chắc cũng có một vài chỗ bịa đặt, song chúng tôi cũng xin cứ thuật ra, còn mong các ngài đính-chính.

Ngoài sự đi lang-thang, ông Quát lại là người thích chơi bời phóng-khoáng. Nhà ông ở, ông đem đào một

cái ao thật to, xung quanh trồng nhiều cây cảnh, để những đêm gió mát trăng trong làm nơi họp bạn khi uống rượu lúc ngâm thơ.

Có phen ông cao-hứng lại cho gọi đào-nương đến hát, rồi tự mình đặt bài hát, những bài hát của ông đến nay còn truyền-tụng, phần nhiều đều những tư-tưởng cao-xa mà lời văn rất hùng-kính, như bài « chán đời » sau đây :

*Thế sự thăng trầm quân mạc vấn,*
*Yên ba thâm xứ hữu ngư chài ;*
*Vật tay nằm nghĩ chuyện đâu đâu,*
*Đem mộng-sự đọ với chân-thân thời cũng mệt.*
*Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian chi minh nguyệt,*
*Kho trời chung, mà vô-tận của mình riêng ;*
*Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng,*
*Ai thành-thị kẻ vui miền lâm-tẩu.*
*Gõ dịp lấy, đọc câu : tương-tiến-tửu,*
*Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai ;*
*Làm chi cho mệt một đời.*

Trong các bạn hữu đi lại xướng họa với ông buổi ấy có ông Phương-Đình Nguyễn Siêu, người huyện Thọ-xương tỉnh Hà-nội, là một nhà danh-sĩ. Vì hai ông đều hay chữ nên thiên-hạ thường gọi là « thần Siêu thánh Quát ».

Ngoài ra các danh-nhân khác đều kính-phục ông lắm, như ông Nguyễn Văn-Khái tức bấy giờ rất tôn-trọng ông. Một ngày ông Khái mới cưới một cô hầu, cô ấy nguyên là một đào-nương có tiếng ở tỉnh Bắc-ninh, ông mời ông Quát đến uống rượu, rồi bảo ông Quát làm bài ca, ông Quát liền hạ bút viết rằng :

*Bắc-phương hữu giai-nhân, tuyệt-thế nhi độc lập,*
*Giá dã nên nhất tiếu khuynh thành ;*
*Tiếc cho mình mà lại thương mình,*
*Còn chen-chúc với đời chi mãi tá.*
*Ngã diệc tự phi ninh tác ngã,*
*Nhân vô bất thị thả khan nhân ;*
*Trường thị-phi chót đã quá chán,*
*Thôi đã biết truyện đời là thế thế*
*Thoi thấm-thoát, bóng dâu đã xế,*
*Mới ngày nào mái tóc chấm ngang vai ;*
*Cuộc đời thôi tiếc chi ai.*

Ông Khái phục là người có thiên-tài, lại bắt ông phải làm một bài ca bằng tiếng tục, ông bảo hãy đem thêm rượu ra, khi uống được vài chén ông liền đọc rằng :

*Trước đã mắc lừa cùng cái vịt,*
*Sau cùng thêm thẹn với con công ;*
*Sự đâu có sự lạ-lùng,*
*Ô-tướng-quân cùng mao-động-chủ.*
*Sách có chữ « âm dương đào chủ »,*
*Thay hóa-công mà đúc lấy nhân-tài ;*

Còn câu kết xin các ngài cho miễn đọc, vì các ngài đều rõ cả.

Ông Khái liền tặng ba chục quan tiền, ông mang ra đi hát mấy bữa hết ngay, ông lại đến sách tiền nữa, ông Khái cũng đưa mà vẫn một lòng kính-phục.

Những bài ca các ngài vừa nghe có nhiều tư-tưởng lãng-mạn mà yếm-thế, bài phú « tài-tử da cùng » ông làm vào thời-kỳ ấy cũng có nhiều giọng chua cay, tôi xin trích ra đây vài đoạn :

*Lắc bầu rượu dốc nghiêng non nước xuống, chén tiếu-đàm mời mọc trích-tiên ; hóng túi thơ mong hết gió trăng vào, cơn xướng họa thì thầm lão Đỗ...*

*Lều nho nhỏ kéo tấm gianh lướp-tướp, ngày thê-lương hạt nặng giọt mưa sa ; đèn con con gọn chiếc chiếu lôi-thôi, đêm tịch-mịch soi chung vầng trăng tỏ...*

*Túi thanh-bạch ngược xuôi miền khách-địa, trăm nghìn dường tơ dện dệt thưa mau ; đèn toan-hàn thức nhắp mái nam-song, dăm ba ngọn lửa huỳnh khêu nho nhỏ...*

32

*Ngán nhẽ kẻ tham bề khóa lợi, mũ cánh chuồn-đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu-môn; quản bao kẻ mang cái giàm danh, áo giới-luân chùm dưới cơ-phu, mỏi gối qui môn sân tướng-phủ...*

Thật là lời lẽ thanh-thoát, ý-tứ thâm-trầm, đã tả được hết tính-tình người cao-sĩ. Năm đầu niên-hiệu Thiệu-trị (1841) quan Trấn xứ Kinh-bắc thấy ông là người tài, mật-tấu về Kinh tiến ông, nên năm ấy ông được kén làm sơ-khảo trường thi Thừa-thiên. Trong đám quyển nộp, ông thấy một quyển văn hay phải một chữ phạm trường-qui, không thể lấy được, ông tiếc người tài, liền hòa son với muội đèn (vì quan trường không được mang bút mực theo) chữa đi lấy cho đỗ, sau việc ấy lộ ra, phải cách chức, rồi phải phụng mệnh đi Tân-gia-ba và các nơi khác để buôn bán lấy công chuộc tội.

Về sau được phục nguyên hàm làm hành-tẩu trong bộ, và năm sau thăng lễ-bộ chủ-sự.

Lúc ông mới vào Kinh, hai nhà thi-sĩ có tiếng hồi bấy giờ là Tùng-Thiện vương và Tuy-Lý-vương mời ông đến xướng họa để thử tài, trong một đêm làm mười bài thơ, ông đã áp-đảo được ông Tùng ông Tuy, thì đủ biết ông thật đáng gọi là thi-bá đời bấy giờ.

Khi ông làm việc bộ Lễ, thường phải trông nom những buổi triều-nghi, nhân thấy đền Thái-hòa có câu đối:

*Thần khả báo quân ân,*
臣可報君恩
*Tử năng thừa phụ nghiệp.*
子能承父業

(bầy tôi phải báo ơn vua, con phải thừa-kế nghiệp của cha), ông cho câu đối ấy là «kém», cứ ngày ngày đứng gần bóc cho long sơn ra. Quan Ngự-sử đàn-hặc khép ông vào tội khi-quân. Vua Thiệu-trị giận toan đem làm tội, nhưng sau ngài cho là có ý gì mới làm như vậy, liền cho dòi phán rằng: Nếu ngươi bẻ được, thử chữa lại xem.

Ông chữa:

*Quân ân thần khả báo,*
*Phụ nghiệp tử năng thừa.*

Và tâu rằng: nếu để như trước thì e lỗi mất tôn ti, vì «bầy tôi» đứng trên «vua» mà «con» đứng trên «cha».

Vua nghe có lý, tha tội cho.

Vua Tự-đức là một ông vua giỏi thơ, một hôm ngài ngự ra triều bảo các quan rằng:

Đêm qua trằm nằm mê thấy hai câu thơ sau này:

*Viên trung oanh chuyển khề-khà ngữ,*
*Dã ngoại đào hoa lấm-tấm khai;*

Nghĩa là: *Trong vườn chim oanh học nói tiếng khề-khà, Ngoài nội hoa đào nở lấm-tấm.*

các ngươi thử chép xem chơi.

Ông Quát liền tâu rằng: Bài thơ này kẻ hạ-thần được nghe từ lúc hãy còn đi học, nguyên cả bài tám câu, có lẽ chúa-thượng còn bỏ sót sáu câu, nếu chúa-thượng cho phép thần xin đọc cả bài.

Vua gật đầu, ông đọc rằng:

*Bảo mã tây phong huếch-hoác lai,*
*Huynh-hoang nhân tự thác đề hồi;*
*Viên trung oanh chuyển khề-khà ngữ,*
*Dã ngoại đào hoa lấm-tấm khai;*
*Xuân nhật bất văn sương lộp-bộp,*
*Thu thiên chỉ kiến vũ bài-nhài;*
*Khủ-khờ thi tứ đa nhân thức,*
*Khệnh-khạng tương lai vấn tú tài.*

Nghĩa là:

*Ngựa bán theo gió tây huếch-hoác lại,*
*Huynh-hoang người tự theo về;*

*Trong vườn chim oanh học nói tiếng khề-khà,*
*Ngoài nội hoa đào nở lấm-tấm ;*
*Ngày xuân không nghe tiếng sương sa lộp-bộp,*
*Tiết thu chỉ thấy mưa rớt bài-nhài ;*
*Khù-khờ thơ giỏi nhiều người biết,*
*Khệnh-khạng còn đem ra hỏi người tú-tài.*

Nguyên sáu câu kia là tự ông Quát ứng khẩu « bịa » ra, ông cũng theo như hai câu của nhà vua, mỗi câu chữ lại thêm vào hai tiếng nôm như huynh-hoang, huếch-hoác vân vân... Nhà vua nghe xong biết ông có ý « sược » nhưng cũng phải chịu là tài biện-bác.

Đối với các quan đồng-liêu ông Quát phận tuy nhỏ, nhưng ỷ tài to thường có ý lấy văn-chương mà khinh-miệt hết cả quan trên. Buổi ấy hai quan đầu triều là Hà Quyền và Nguyễn Công-Trứ cũng bị ông đem ra chế diễu. Ngày tết ông gián câu đối ngoài cổng :

*Ý cẩm thượng quỳnh, quân-tử ố kỳ văn chi « trứ »,*
衣錦尚絅。君子惡其文之著
*Bao Tề ý Tấn, thánh-nhân bất-đắc-dĩ dụng « quyền ».*
褒齊懿晉。聖人不得已用權

Một buổi chầu không biết vì lẽ gì hai ông quan cãi lộn với nhau rồi sau thành xô-xát, lúc ấy có cả ông Quát đứng đấy, quan Ngự-sử đàn-hặc, việc đến tai vua, nhà vua bắt ông Quát là người làm chứng phải khai, ông Quát khai :

« *Bất tri ý hà, lưỡng tương đấu-khẩu, bỉ viết cẩu, thử diệc viết cẩu, bỉ thử giai cẩu, dĩ chí đấu ẩu, thần kiến thế nguy, thần tẩu,* 不知意何，兩相鬬口，彼曰狗，此亦曰狗，彼此皆狗，以至鬬毆，臣見勢危而走 ».

Nghĩa là không biết tại làm sao, hai bên cãi nhau, bên rằng chó, bên kia cũng chó, hai bên đều chó, rồi đến đánh nhau, thần thấy thế dữ thần chạy.

Lúc theo quan đi sứ là ông Đào Phú, vì thấy ông Đào học kém mình mà lại được làm Chánh-sứ, ông thường mượn chén diễu Đào rằng :

*Hữu tửu linh nhân túy,*
*Nả tri khách thị thùy.*

(Có rượu làm cho người say, nào biết khách là ai).

Bạn đồng-niên với ông là Tiến-sĩ Nguyễn Nhạ, người tỉnh Thanh-hóa, vì có sự bất-bình với ông, nên ông tức chế quan nghè kia rằng :

*Nhĩ cẩu vô nha hà tốc ngã,*
爾鼠無牙何速我
*Ngô do hữu thiệt khởi thâu thùy.*
吾猶有舌豈輸誰

(con chuột nếu không răng làm sao kiện được ta, ta còn có lưỡi há có chịu đâu).

Một vị đại-thần mộ tiếng ông là người tài, cho mời đến uống rượu làm thơ, ông mặc áo trắng không đội khăn mà đến. Chén xong ông Quát chỉ làm một bài thơ :

*Hữu khách thỉnh ẩm-tửu,*
*Bất tri khách thị thùy ;*
*Kim tịch thị hà tịch ?*
*Thiên cao minh nguyệt tri.*

Nghĩa là :

*Có khách mời uống rượu, chẳng biết khách người nào ; đêm nay cái đêm gì, trăng sáng biết trời cao.*

Một ông quan to mời rượu làm thơ, mà thơ như thế bảo dừng ghét sao được.

Một ngày ông vào trường Quốc-tử-giám nghe bình văn. Đầu bài phú là « Ma chử thành châm » (mài chầy nên

34

kim), quyển văn hay được bình có câu « Chí độn, phẩn thành chí mẫn, khả thung hốt nhĩ khả phủng » (rất nhụt lại thành rất sắc, vừa giã được vụt cái đã khâu được). Quan trưởng-giáo tấm-tắc khen hay. Ông Quát bảo « sồ toẹt ». Quan hỏi « sồ » là thế nào? Ông Quát giảng: « *Phẩn thành* với *hốt nhĩ* thì thành ra chầy tự hóa ra kim không phải mài, mài cái chầy cho thành cái kim có thể phút chốc mà xong à? « hốt-nhĩ » sao được? « sồ đi ». Quan trưởng-giáo bảo chữa giùm. ông chữa là « chí độn chuyển thành chí mẫn, khả thung biến tác khả phủng » cả trường cùng chịu, nhưng quan trưởng-giáo lấy làm ghét lắm.

Gặp khi quan Phủ-doãn Thừa-thiên là Nguyễn công-Trứ 70 tuổi về hưu-trí có làm bài thơ lưu-giản:

*Nhật đối nhi tào tự giải di,*
日對兒曹自解頤。
*Kim ngô bất tự cố ngô thì;*
今吾不似故吾時。
*Tùy cơ ỏi lỗi cung nhân tiếu,*
隨機傀儡供人笑。
*Trục kỷ niên hoa giới cổ hi;*
逐歲年華屆古希。
*Lão thực bất kham trang diện mục,*
老寔不堪粧面目。
*Anh hoa an dụng nhiễm tu tì;*
英華安用染鬚髭。
*Tự tần hảo mạt hồn vô trạng,*
自嚬皂末渾無狀。
*Tiếu sát Hồng-sơn hữu thị phi.*
笑殺鴻山有是非。

Diễn nôm:

*Ngày đối bày con nhích mép cười,*
*Trước sau ta vẫn hẳn hai người;*
*Mấy xoay người chạy thân trò đối,*
*Ngựa đuổi già lên tuổi bảy mươi;*
*Mặt mắt chỉ yên phần lão phác,*
*Mày râu thêm phải nhuộm hoa tươi;*
*Mảy may công trạng gì đâu có,*
*Phải quấy non Hồng đáng hổ ngươi.*

Các quan triều cho bài thơ ấy là cụ Nguyễn Công-Trứ có ý nhún mình đều có họa lại, duy ông Quát vốn không phục tài ông Trứ, vẫn thường cho ông Trứ là một nhà kinh-tế không phải là thi-nhân, ông họa rằng:

*Quần sơn nam vọng độc chi di,*
羣山南望獨支頤。
*Diến tưởng tiên-sinh vị lão thì;*
緬想先生未老時。
*Tự cổ anh hùng ngộ đa dị,*
自古英雄遇多異。
*Như kim sĩ-đức kiến ưng hi;*
如今齒德見應稀。
*Thường đa thế vị chung tu tửu,*
嘗多世味終須酒。
*Cấm đoạn sương-hoa bất thượng tì;*
禁斷霜華不上髭。
*Văn đạo Hồng-phong dục hồi thủ,*
聞說鴻峯欲回首。
*Khởi ưng lục thập cửu niên phi.*
豈應六十九年非。

Diễn nôm:

*Non nam ngẩnh mặt vẫn cười ngầm*
*Nhớ lại tiên-sinh lúc nhỏ xem;*
*Vận gặp anh-hùng chừng lắm vẻ,*
*Người gồm sĩ đức được bao làm;*
*Nếm nhiều mùi thế cần pha rượu,*
*Cấm hẳn hoa sương chẳng đến cằm;*
*Nghe nói núi Hồng quay cổ lại,*
*Lẽ đâu sáu chục chín năm lầm.*

Kể hai bài thơ thì ngang nhau, nhưng bài của ông Quát hùng-kính hơn mà hai câu sau có ý chê quan phủ-doãn Hồng-sơn muốn quay đầu lại thì khi muộn vì đã 69 tuổi mất rồi.

Ông Quát một ngày một quá lắm, các quan triều không ai chịu được, năm Tự-đức thứ 7 (1854) ông phải cải bổ ngoại-nhậm làm giáo-thụ phủ Quốc-oai (Sơn-tây).

Cái cảnh giáo-thụ ngoài mấy tên học trò trước sau hiu-quạnh làm cho quan giáo thêm lòng công-phẫn, còn gì chán bằng:

35

*Mô phạm năm ba thằng mặt trắng,*
*Đỉnh chung chiếc rưỡi cái lương vàng.*

Ấy là cảnh dạy học của ông, còn cảnh tư-thất thì :

*Ba gian nhà trống, một thầy, một cô, một chó cái ; năm đứa học trò, nửa người nửa ngợm, nửa đười-ươi.*

Rủi thay khi ấy lại gặp phải quan Tổng-đốc Sơn-tây là Nguyễn Bá-Nghi cũng là người sinh văn-chương, thường sức các học trò tụ lại làm bài và bình văn tại tỉnh-lỵ, ông Quát thấy thế ghét lắm, trường học ông có quyển văn nào hay thì ông tụ học trò lên núi Sài-sơn bình văn, có người hỏi ông vì lẽ gì lại làm như vậy, ông trả lời rằng :

« *Bình văn trên núi để cho khỉ nghe chứ còn ai nghe* ». Câu ấy có ý mỉa-mai quan thượng, ông Nguyễn Bá-Nghi giận lắm.

Năm ấy các tỉnh Bắc-kỳ như : Tuyên-quang, Cao - bằng, Lạng - sơn, Thái-nguyên đều có giặc, quan giáo-thụ phủ Quốc-oai nghĩ giận triều-đình, giận quan-lại, giận cả phận mình có tài mà không dắc-dụng mới họp học trò tế cờ, tự phong mình làm quốc-sư, cờ đề :

*Bình-dương Bồ-bản vô Nghiêu Thuấn,*
平陽蒲板無堯舜
*Mục-dã, Minh-điều hữu Vũ Thang.*
牧野鳴條有武湯

Tôn Lê Duy-Đồng, Lê Duy-Uẩn, là con cháu nhà Lê làm minh-chủ, nổi lên đánh phá huyện Mỹ-lương Sơn-tây. Triều-đình sai quan Tổng-đốc Nguyễn Bá-Nghi tiến-tiêu, vây bắt được ông và đồ-đảng đem làm án trảm khiêu giải về Hà-nội hành-hình.

*Ba hồi trống giục mồ cha kiếp,*
*Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời.*

Đó là hai câu mà nhà văn-sĩ ấy vĩnh-biệt với cái đời lỗi-lạc mà lãng-mạn, cái đời nó đã không hiểu ông, nên ông mới vướng vào vòng hoạn-nạn.

Thưa các ngài,

Câu chuyện chúng tôi hầu các ngài đến đây, tưởng cũng quá dài.

Những sự hành-vi của ông Cao Bá-Quát trong ngần ấy năm, lúc đi lang-thang, khi làm quan, khi khởi-loạn, đã gây nhiều mối dư-luận ở chốn dân-gian, nào chê ông là giang-hồ đãng-tử, lại thảo-khấu bạn-thần, thật ra ông chỉ là một văn-sĩ có tài mà không gặp thời, thân-thế ông phải nhiều nỗi long-đong, vì ít người hiểu được tính-tình ông. Những văn-sĩ như ông không riêng gì nước ta mới có, ở nước Pháp về cuối đời trung-cổ (MOYEN ÂGE) nhà thi-sĩ VILLON, cũng cùng ông Cao một cảnh-ngộ.

Tiên-sinh văn-chương lừng lẫy, tuổi trẻ, đỗ sớm chỉ vì giận mấy ông hình-quan mà nổi lên phá-phách, cướp bóc, rồi đến bị bắt giam, song may hơn ông Cao, VILLON tiên-sinh lại gặp vua minh-mẫn ân-xá nên chu-toàn được tính-mệnh.

Còn sự-nghiệp văn-chương ông Cao Bá-Quát, các ngài đọc văn chắc đã xét đoán cả rồi, chỉ xin bàn thêm rằng : ông là một nhà văn quá bạo. Trong lúc cả nước ai ai cũng chuyên-chú về lối văn từ-chương, riêng ông dám dùng văn nôm để thổ-lộ tâm-sự mình.

Một lối văn, các sĩ-phu đời ấy cho là « làm chơi » đến ngày nay nhờ những tác-phẩm của họ Cao đã thành một thứ tài-liệu rất quí-hóa cho nền quốc-văn. Công ông Cao với văn-giới nước nhà, xin nhường ngòi bút nhà chép văn-học-sử về buổi tương-lai này.

NGUYỄN TƯỜNG-PHƯỢNG

36

# PHẬT-GIÁO TÂN LUẬN (1)

## 佛教新論

■

II

Đại-ước mấy cái ảnh-hưởng của hoàn-cảnh về xã-hội, về cựu-giáo, về học-thuật, về thân-thế, về tư-tưởng, mà gây nên một cái sự-nghiệp lớn-lao cho vị giáo-tổ đạo Phật là như thế. Nay tôi lại giải thêm cho hai phần giáo-nghĩa mà trên kia tôi đã nói. Song trong Phật-giáo, giáo-nghĩa của phái Tiểu-thặng với phái Đại-thặng lại có khác nhau, nên từ xưa đã thành ra một cuộc tranh luận không bên nào chịu bên nào. Vậy trước hết tôi biện-bạch cho tỏ ý-kiến mà tôi căn-cứ về nghĩa bên nào.

Sau khi Phật Thích-già tịch rồi, người học-trò cao-đệ được truyền phép là Ca-diếp, đốc-suất anh em biên-tập lời thầy dạy lại thành được một bộ đại-toàn gọi là *tam-tạng* 三藏: *kinh-tạng*, *luật-tạng và luận tạng*. Trong các kinh chia ra bốn giống gọi là *bốn a-hàm* 四阿含經, cộng 183 quyển. Những kinh về phái Tiểu-thặng có 50 quyển gọi là *Tạp a-hàm kinh* 雜阿含經, còn đều là kinh của phái Đại-thặng.

Đại, Tiểu-thặng 大小乘 hoặc có người gọi là Đại, Tiểu-thừa 大小乘, do nghĩa dịch mà ra. *Thừa* là cưỡi xe, *thặng* là cái *xe tế-độ*. *Tiểu-thặng* là cái xe tế-độ nhỏ chỉ chở được một thân mình, *đại-thặng* là cái xe tế-độ lớn chở được mình và nhiều kẻ khác. Tức là hai lớp học ở trong trảng Phật-giáo lúc Phật tại thế bấy giờ. Vì vậy cũng gọi là *Nhất-thặng* — 乘 và *Nhị-thặng* 二乘, tức là lớp nhất và lớp nhì.

Toát trong sử các phái đạo Phật chép thì tiểu-thặng hoặc nhị-thặng là những người độn-căn 鈍根 tức là còn dốt, nên kinh của phái ấy chỉ giản-ước có mấy điều thiển-cận và thiết-yếu như thuyết *bốn diệu đế* 四妙諦. Còn kinh của phái Đại-thặng hay là Nhất-thặng thì hoàn-bị, thuyết-lý nhiều, mà *bốn diệu-đế* cũng có ở trong. Kinh của Đại-thặng như những kinh *Hoa-nghiêm* 華嚴, *Lăng-già* 楞伽 nghĩa-lý đều rất vi-diệu, bọn Tiểu-thặng nghe đọc thì như vịt nghe sấm, không hiểu chi cả. Mà cách tu của Đại-thặng cũng khó hơn.

Cũng vì kinh sách Đại-thặng như thế nên sau khi Phật tịch rồi, ít người học được, mà theo về Tiểu-thặng thì nhiều. Ngay ở Ấn-độ hồi ấy, phái Tiểu-thặng cũng đã khởi ra cái thuyết: *Kinh sách đại-thặng không phải là lời của Phật*. Thế mà trong phái Tiểu-thặng với nhau cũng vì ý-kiến hiểu khác nhau mà

(1) *Xem Nam-phong số 208.*

phân ra hai bộ : *Thượng-tọa* và *Đại-chúng*. Rồi phân đến 20 bộ mà giáo-nghĩa phái đó cũng không thuần-nhất nữa.

Đến hồi sau Phật tịch ước 600 năm, Tiểu-thặng suy. Bà-la-môn tức giáo cũ, sách Phật gọi là ngoại-đạo, lại nhao-nhao nổi lên, đạo Phật ở Ấn-độ hầu tắt. Có Mã-Minh (1) một tay cự-phách trong Đại-thặng khởi lên chấn-hưng Phật-giáo. Ông căn-cứ ở những kinh-sách Đại-thặng như *Hoa-nghiêm*, *Lăng già* mà làm một quyển luận để giải-thích cho những nghĩa chân-chính trong đó, gọi là *Đại-thặng khởi tín luận* 大乘起信論. Trong sách lấy « *duy-tâm* » làm gốc và công-nhiên công-kích ngoại-đạo và Tiểu-thặng. Cho Tiểu-thặng là độn-căn *sở-đắc Phật thuyết chưa cứu-cánh* 二乘鈍根如來說不究竟.

Mã-Minh giống như Mạnh-tử bài-xích Dương, Mặc và tà thuyết để chấn-hưng đạo Khổng.

Từ đó Đại-thặng mới thịnh, Tiểu-thặng lại suy. Sau ngang đời Đông-Hán bên Tàu, nước Đại-nhục-chi, Tàu gọi là Tây-vực, ở mé bắc Ấn-độ, vào xâm-chiếm Ấn-độ, vua nước ấy tin Phật-giáo, ít lâu triều vua ấy suy, Bà-la-môn lại khởi, Phật-giáo thất-thế bèn chuyên-vận cả kinh-sách sang Tây-vực. Lại ít lâu, Ấn-độ khôi-phục được nước, Bà-la-môn lại thịnh, cải gọi là Ấn-độ-giáo. Vì vậy phái Tiểu-thặng cũng phải bỏ Ấn-độ mà lánh sang các nước Nam-dương. Phật-giáo từ đó phân làm hai tông là Nam-tông Bắc-tông, mà Nam-tông chỉ chuyên về Tiểu-thặng mà thôi. Còn Bắc-tông thì do Tây-vực và các danh-tăng tây-thổ truyền vào Trung-quốc, lần-lượt dịch đủ cả hai thứ kinh Đại-thặng và Tiểu-thặng, nhưng người Tàu chỉ tôn-sùng có đại-thặng mà thôi. Nhật-bản, Việt-Nam đều theo về Đại-thặng do kinh-sách của Tàu dịch. Từ đó Phật-giáo hẳn tuyệt-tích ở Ấn-độ. Bây giờ cũng chỉ ở Tàu là có Đại-thặng và đủ các thứ kinh-sách mà thôi.

Nay nhiều học-giả Âu-Mĩ thấy kinh sách tiểu-thặng giản-ước, thiển-cận về vài điều tu-hành không có lý-luận gì cao, có tính-cách rất xưa, nên các nhà ấy cũng cho kinh-sách tiểu-thặng là chân-truyền của Phật, mà kinh-sách của Đại-thặng là người sau phụ-họa ra. Tức như những nghĩa : *không-huyễn* 空幻, *từ-bi* 慈悲, *bình-đẳng* 平等, của Đại-thặng là bịa, vì trong Tiểu-thặng đều không có. Song ý-kiến ấy không khỏi thiên. Phải biết :

*a*) Trước đời Thích-già ở Ấn-độ, về giáo-lý, triết-học đã đều bao-la, thâm-túy, vậy nếu giáo mới của Thích-già mà thiển-bạc thì sao phục được người đời mà tranh-thắng được ngay ở hiện-thời mình như thế.

*b*) Sách *Đông-dương lịch-sử* của Tàu chép về hồi Thích-già truyền-giáo, nói : « Tân-giáo 新教 lấy bác-ái, bình-đẳng để uốn lại cái tệ phân-biệt giòng-giống của Bà-la-môn, nên phàm những kẻ bị cái khổ của Bà-la-môn ức-hiếp đều tin theo về tân-giáo mà Phật-giáo bèn thịnh ». Bác-ái, bình-đẳng, là nghĩa của Đại-thặng. Nhà sử này nói

(1) *Mã-Minh* 馬鳴 *là hiệu của vị Bồ-tát, khi vị này sinh, thấy ngựa kêu và sau đắc đạo, thuyết pháp cũng thấy ngựa kêu, nên người ta lấy Mã-Minh làm hiệu. Chính tên là :* 阿濕縛朔沙 Asvaghosa.

38

thực đúng với cái tâm-lý của người theo đạo mới lúc ấy.

c) Trong học-giả Tây-phương, *Huxley*, nước Anh, nhà đại-khoa-học, đại-triết-học về phái thiên-diễn cận-thời. Vì bênh-vực thuyết minh, Tiên-sinh công-kích Phật-giáo cho là « *huyễn* », là « *liễu-tận không-vô* ». *Huyễn và liễu-tận không-vô* tức là nghĩa của Đại-thặng. Thế là *Huxley* cũng nhận kinh Đại-thặng là lời của họ Thích-già.(Xem bản dịch thiên-diễn-luận của Nghiêm Phục).

d) Mã-Minh một tay đại triết-học trong Phật-giáo gần đời Thích-già, sách *Đại-thặng khởi-tín* của ông, ông nói là vì phát-triển chân-truyền cho Đại-thặng và vì Tiểu-thặng độn-căn học chưa được cứu-cánh, nhận sai nghĩa chính đi, mà ông phải viết ra sách ấy. Sách chuyên giải những nghĩa về kinh-sách của Đại-thặng mà nay so lại với các kinh Đại-thặng đều hợp.

Cứ bốn lẽ ấy thì kinh của Đại-thặng với Tiểu-thặng đều có lời Phật Thích-già,mà hai phái Đại Tiểu-thặng nguyên xưa là hai lớp học sơ-đẳng với cao-đẳng, không còn ngờ gì nữa. Còn như nói rằng « sai », thì một cái giáo-lý và sách vở đã truyền dịch đi nhiều lần, lâu đến hơn ba nghìn năm, thì tài nào mà giữ được khỏi sai. Nay chúng ta cứ cái chỗ thống-hệ nó duy-nhất, không mâu-thuẫn thì chúng ta nhận.

Vậy dưới đây giải-luận về hai phần giao-nghĩa của đạo Phật, tôi lấy ở những kinh Đại-thặng, nhất là lấy ở sách *Đại-thặng khởi-tín luận* của Mã-Minh làm căn-cứ.

1° *Triết-lý duy-tâm.* — Triết-lý đây là triết-lý tông-giáo, cái gốc của nó là mê-tín quỉ thần họa phúc mà tiến lên làm triết-lý tự-tín ở bản-tâm, Phật-giáo sở-dĩ khác Bà-la-môn-giáo là ở đó. Còn cái chỗ cơ-sở của Phật-giáo thì chẳng qua cũng là nhân cũ mà phản lại mà thôi. Vậy trước khi giải về *triết-lý duy-tâm*, ta nên hiểu thuyết *vũ trụ quan* và thuyết *luân-hồi nhân-quả* của người Ấn-độ đã, thì mới biết được chỗ nhất-trí.

Các học-giả hiện-thế-quan bàn về đạo Phật mà bỏ chỗ quỉ thần, và chỉ bàn suông về triết-lý, thực là mơ mảng và cách xa. Cho nên cho thuyết quỉ-thần của họ là mê-tín mà không nói ra và không đem Phật mà so-sánh với Bà-la-môn để xem chỗ sở-nhân sở-phản, thì không bao giờ khám-phá ra được chỗ nhân-duyên về giáo-lý của họ.

Từ trước đời Phật người Ấn-độ đã cho rằng: Cõi hư-không có nhiều thế-giới, thế-giới nào cũng có chúng-sinh, nhưng tóm lại có ba cõi quan-hệ gọi là *Tam-giới* 三界 (1) là thiên-giới, nhân-gian và địa-ngục. Thiên-giới thì Phật, Trời, Thánh-thần ở, làm chủ cả Tam-giới, nhân-gian thì người ta và sinh-vật ở. Địa-ngục là nơi hình-ngục ở dưới gầm đất để giam xét những thân sau kẻ tội ác bị bắt ở nhân-gian xuống, và có các ma quỉ làm việc giam xét. Đó là đại-lược thuyết *vũ-trụ-quan*.

Nhân thuyết *vũ-trụ-quan* mà sinh ra thuyết *luân-hồi nhân-quả*. Họ cho rằng người ta và sinh-vật chết đi không phải là hết, còn có cái thân sau. Mà sinh ra không phải là ngẫu-nhiên, nó bởi *nhân-quả* do ở cái thân trước. Có

---

*(1) Còn một nghĩa Tam-giới nữa là* Dục-giới 欲界, Sắc-giới 色界 *và* Không-giới 空界 *lại khác.*

ba đời: *quá-khứ*, *hiện-tại* và *vị-lai*. Thân này mà có tội ác thì khi chết đi cái thân sau phải bắt xuống địa-ngục xét tra rồi đầy lên nhân-gian tùy tội nặng nhẹ mà bắt làm hạng người nào, tội nặng hơn thì phải làm trâu chó các súc-sinh, chim sâu. Cho hết tội rồi mới được lại lên làm người, lại tạo-nhân kết-quả lại. Thế gọi là *sa-đọa*, là *vòng luân-hồi*, là « *khổ* ». Bằng thân này mà có phúc thiện thì khi chết đi cái thân sau được lên cõi thiên-giới làm thần-thánh, sống mãi, vui sướng mãi vô-cùng, không phải sinh xuống cõi nhân-gian nữa. Thế là hết « *khổ* », là *siêu-thăng*, là thoát khỏi vòng *sinh tử luân-hồi*.

Họ cho luân-hồi như thế thì « *khổ* » biết chừng nào! Họ sợ, họ tìm cách làm cho thoát vòng luân-hồi, ấy tức là cái đạo « *diệt-khổ* ». Nhưng « *diệt* » cách nào?

Ấy chỗ mê-tín của hai giáo tân cựu chung nhau đến đấy, tuy chỗ trừu-tượng về Tam-giới và luân-hồi của Phật-giáo về sau còn rộng nhiều, nhưng cơ-sở là do ở đó.

Đến đấy hai giáo đều do chỗ mê-tín thô-bỉ mà bước lên bậc triết-lý tinh-thuần, nhưng mỗi bên rẽ đi một ngả.

Bà-la-môn cho rằng cõi trời là cõi gốc, là cõi thuần một *linh tinh bà-la-môn chân-tinh* Người ta ai cũng được chịu một phần thiên-phú của *linh-tinh* ấy làm của mình gọi là *tiểu linh-tinh a-đức-môn chân tinh*. Vậy giữ nguyên *tiểu linh-tinh* cho thật sạch-sẽ thì được siêu-thăng lại về cõi trời hết luân-hồi. Nếu để khí bẩm vật-dục nó làm mờ-ám bó buộc cho *tiểu-linh-tinh* bị bẩn-thỉu, sinh tội ác, thì phải *sa-đọa luân-hồi khổ-sở*. Khổ-sở vì đâu, vì cái thân này mà ra cả. Vậy *diệt-khổ* là phải diệt trừ hết cái thân khí-bẩm thô-trọc vật-dục ô-uế này đi thì *tiểu-linh-tinh* của mình mới y nguyên sạch-sẽ. Nhưng không diệt hết ngay một lúc đi được thì phải giảm bớt dần, tài-sản, lễ-phép, thân-ái, nhân-quần đều phải rút bỏ, mà cả mọi sự sinh-hoạt đều phải chế-giảm dần mãi đi cho đến hết. Bởi vậy mà thành lối ta khổ-hạnh và lánh cuộc đời. Cựu-giáo di-truyền như thế.

Đến Thích-già thì ông cũng nhận đời có *Tam-giới*, sinh có *nhân quả luân-hồi*. Ông cũng cho *luân-hồi sinh-tử* như thế là khổ, mà ông lại còn thấy chúng-sinh lại ăn lẫn nhau, hiếp-hại lẫn nhau thì càng khổ thêm, nên ông gọi là « *khổ-khổ* ». Nhưng ông cho rằng *diệt-khổ* mà khổ-hạnh quá như thế là cách tự-diệt, và tránh xa cuộc đời như thế là cách vị-kỷ. Tự-diệt và vị-kỷ chính cũng lại là tội-ác, lại càng *luân-hồi*. Không được! Vả, khổ ấy là bởi cái nghiệp riêng của từng người, mà cũng lại là bởi cái nghiệp chung của chúng-sinh. Thế mà *siêu* với *đọa* đã lấy *thiện*, *ác* chia đường, thì *siêu-thăng* phải có công-đức hiển-nhiên, là phải cứu-khổ cho kẻ khác để làm công-đức cho mình, vậy thì *diệt-khổ* chỉ là tìm xem cho biết đích ở chỗ nào tạo-nghiệp ra cái *khổ* mà diệt đi cho được sáng-láng, biết đường lập công lập đức là được. Hà tất gì mà phải làm cách khốc-hại tự-tàn cái thân mình như thế thì có ăn thua gì.

Bấy giờ Thích-già không cầu ở cõi ngoài mình ta nữa, mà tìm vào cõi trong mình ta là nói cái *tâm* ta. Ông cho rằng cái nhân-duyên khiến cho thân ta sở-dĩ bị sinh ra ở *Tam-giới* là do phúc-thiện hoặc tội-ác. Mà cái nhân-duyên sở-dĩ khiến ta sinh ra có phúc-thiện hay là tội-ác, chỉ là do ở *tâm* ta mà ra. Vì vậy mà trong các kinh

40

Đại-thặng mới có những thuyết « *Nhất-tâm* — 心 », chỉ có một tâm ta, thuyết « *Tam-giới duy-tâm* 三界惟心 », *ba cõi đều bởi một tâm của ta mà có*, và thuyết « *vạn pháp duy thức* 萬法惟識 » muôn-vàn phép tắc đều bởi ở bản-thức của ta mà ra. Ấy cái gốc *Triết-lý duy-tâm* của đạo Phật là đó.

Cho được chứng cho nghĩa *duy-tâm* ấy một cách chắc-chắn, tôi lược lấy những chỗ cốt-yếu của sách Mã Minh mà phát-huy ra như sau này :

Mã-Minh bắt đầu đem thuyết *nhất-tâm* lên làm tôn-chỉ duy-nhất mà giải rõ cho chính-nghĩa đạo Phật, ông nói đại-khái rằng: Chính-nghĩa *nhất-tâm* có hai phần là: *Tâm chân-như* 心眞如 và *tâm sinh-diệt* 心生滅. *Tâm chân-như* là bản-thể của *tâm*, tính nó bất-sinh bất-diệt. Cho nên gọi là *chân-như* : nghĩa là nó còn hồn-nhiên chưa có những ý-niệm gì về thiện-ác mà sinh ra hoặc diệt đi. Còn khi mà nó đã sinh hay là diệt những ý-niệm thiện-ác, thì là về phần *tâm sinh diệt*. *Tâm sinh diệt* tức là « *thức* 識 », là « *A-lê-gia-thức* 阿黎耶識 ». Nó có thể hiểu biết được hết thảy phép-tắc trong thế-gian về tự-nhiên về nhân-vi, và nghĩ mà lập ra được hết thảy phép-tắc ấy (能攝一切法, 生一切法). Cái nghĩa « *vạn pháp duy thức* » là thế. *Thức* bởi *tâm* mà ra, thế là nghĩa *duy-tâm*.

Thức này, Phật với chúng-sinh bản-lai bình-đẳng như nhau. Nó có hai nghĩa là : *giác* với *bất-giác*. *Giác* là *bản-giác*, là *Phật-tính*, tức gọi là cái *như-lai tạng* 如來藏 kho tính của Phật.

*Bất-giác* là cái tính mờ-ám gọi là *vô-minh* 無明, cũng gọi là *vọng-niệm* 妄念, do một cái tính mờ-ám vô-minh mà sinh ra nhiều nhân-duyên khác: nghĩ bậy, làm láo, mà thành tội ác, bị *luân-hồi khổ-sở*. Thế mà giữ được *bản-giác* cho cứu-cánh thì được sáng-suốt, khôn-ngoan là trí-tuệ của Phật, biết được và làm nên được mọi cảnh-giới tốt-đẹp khéo-léo gọi là *vô-lượng công-đức* tướng, thế là được *siêu-độ*, hết *luân-hồi*.

Như thế thì cái gốc *khổ* là do ở *vô-minh*. Muốn diệt khổ phải diệt *vô-minh* trước. Nhưng cũng không khó. Mã-Minh ví *vô-minh* với *bản-giác* cũng như sóng gió với nước bể mà rằng: « *Gió thổi thì sóng động, nước với gió tuy không lìa nhau, nhưng tính nước vốn không động. Nếu gió diệt thì sóng im nước không động nữa, nhưng cái tính ướt của nó có bao giờ hoại được đâu* ». Thế thì giữ cho chính lấy *bản-giác* tức là *chính-thức*, đừng khởi ra một cái *vọng-niệm* gì thì tiện-thị là *vô-minh* phải diệt.

Thế thì *diệt-khổ* là *diệt-vô-minh*, chứ không phải là *diệt-thân*, nên tại-gia, xuất-gia đều tu được cả.

Tu có nhiều bậc, cho tới bậc thành Phật là tọt phẩm, chúng-sinh tùy sức mà tu.

Bậc tối-cao thì chứng « *Nát-bàn* » ngay ở hiện-thế, gọi là đắc-đạo, là thành Phật. Tuích-giả không giải nghĩa « *Nát-bàn* », vì cho rằng nó tuyệt-đối không thể giải được, thế mới là hay. Các hàu-hiền có tạm giải ra nhiều nghĩa, nay tôi tóm đại-ý mà giải thêm một nghĩa thiển-thực, để các học-giả hiện-thế ta dễ hiểu :

*Nát-bàn* là cái đạo vô-thượng, hoàn-toàn tuyệt-đích cứu-cánh cả sự biết sự làm mà hiện đang thực-hành.

Còn bậc thường thì sau khi chết sẽ được Phật A-di-đà (vô-lượng-thọ) tiếp-dẫn về cõi cực-lạc bên kia, vui-sướng

đời đời chẳng cùng. Vậy A-di-đà có lẽ là vị Tạo-hóa-chủ của họ Thích-già.

Tu không phải là *diệt thân* mà phải tự làm ra khổ-cực, mà phải tự đi trốn đời như lối tu cũ. Tu bây giờ chỉ là dùng mấy phép phương-tiện, nghĩa là cái phép tự-do không cố-chấp, để mà hun-đúc, luyện-tập để giữ cho *tâm* được chân, cho *thức* được chính, cho *bản-giác* sáng-suốt, mà *diệt-vô-minh*, mà *sinh thiện-niệm*. Giữ sao cho tâm được y-nguyên *chân-như*, thì trí-tuệ tự có nhiều phép phương-tiện, mà cái thân nhục-thể bèn thành pháp-thân ở ngay hiện-tại này.

Do cái quan-niệm « *Chân như bình đẳng* », thì Phật với chúng-sinh là đồng-thể bình-đẳng một *tâm chân-như*, nên cho rằng ai cũng thành Phật được. Và phải đãi chúng-sinh với thân mình là bình-đẳng, chứ không được phân-biệt giai-cấp. Mã-Minh rất khẩn-khoản về chỗ đó, mà cái nguyên-lý của thuyết « *từ-bi, bình-đẳng* » là do ở đó.

Thiện-niệm không phải là chỉ nghĩ suông, một phải đem nó ra mà thực-hành một cách dũng-mãnh, tinh-tiến tự-tu đã lọn đạo thì phải « *phát-tâm* » làm ra những sự-nghiệp hiển-nhiên gọi là *chủng chủng công-đức*. Nghĩa là nguyện ra tay hóa-độ cho mọi loài chúng-sinh khỏi cái khổ về trong tâm về ngoài thân. Ấy cái *luân-lý phả-độ* là bởi từ đấy.

Đến đây nghĩa *duy-tâm* lại tiến-bộ lên một tầng nữa, là vì đã lấy *tâm* làm chủ thì suy-luận ra, không những cái quả bị sinh trong vòng tam-giới là bởi ở *tâm*, mà đến cả những cái sắc, cái tưởng từ thân ngũ-uẩn (1) của ta cho đến tam-giới, cho chí hết thảy mọi phép-tắc ở tam-giới, về tự-nhiên, về nhân-vi, là đều bởi ở cái *tâm* này nghĩ ra mà biết. Vậy nếu tâm ấy bị diệt thì còn đâu mà thấy sắc-tướng của phép-tắc gì nữa. Vả đã bởi *tâm* mà biết ra những cái ấy, thì *tâm* kia nó nghĩ cho những cái ấy, ra hay hoặc ra dở mà chẳng được dư *Tâm* kia nó tự nghĩ đặt ra vô-số cái khác mà chẳng được dư? Thế thì ngoài *tâm* ra còn có gì mà chấp-chược bo-bo, thấy biết được cái phép-tắc gì là khư-khư giữ chặt không dám nghĩ khác đi nữa, ấy là chấp-pháp 執法. Hẹp-hòi thô-bỉ chỉ biết có mình, ấy là chấp-ngã 執我, vì vậy Mã-Minh cho tam-giới cũng là hư-ngụy. Hư-ngụy là bịa đặt ra. Mã-Minh nói: « Thế cho nên tam-giới là hư-ngụy, duy ở *tâm* tạo-tác ra cả, hễ lìa tâm ra thì cảnh-giới của lục-trần (2) không còn có gì nữa ». Coi đó thì biết chỉ có *tâm chân-như* là hiển-thực, là thường-hằng, còn ngoài ra, tam-giới, lục-trần, ngũ-uẩn đều là *không-huyễn*, là *vô-thường* như mộng như điện cả.

Tuy thế nhưng lại phải biết, mọi cái phép-tắc ấy nó vốn cũng đều có bản-thể chân-như cả. Những kẻ thường-thức, cái gì trông thấy thì cho là *có*, mà cái gì không trông thấy thì cho là *không*. Không biết rằng cái có

---

(1) Ngũ-uẩn 五蘊 *là :* sắc 色 (*sắc-tướng*), thụ 受 (*chịu lấy, ngũ-quan cảm-súc*) tưởng 想 (*tưởng nghĩ ra*), hành 行 (*hành-động*), thức (*tri-thức*). *Nghĩa là năm cái khc chứa để hợp thành thân người.*

(2) Lục-trần 六塵 *là sáu thứ vi-trần (bụi nhỏ) :* Sắc 色 (*sắc-tướng*), thanh 聲 (*tiếng*) sú 嗅 (*mùi*), vị 味 (*vị đồ ăn*), súc 觸 (*cảm thấy*), pháp 法 (*các phép-tắc tự-nhiên và nhân-vi về hữu-hình vô-hình*). *Tức là những cõi ngoài tâm trở ra.*

ấy là hiện-tượng nó tụ lại, mà cái *không* ấy là hiện-tượng nó tan đi, chứ bản-thể của nó thì bao giờ cũng vẫn còn, mà sự vô-thường thay đổi ấy nó cũng chỉ là từng biến-tướng một, chứ thực bản-thể nó vẫn *thường-hằng*. Thế cho nên sách Phật đối với cái *có* thì gọi là *sắc-tướng*, là tỏ nghĩa rằng có trông thấy. Mà đối với cái *không* thì gọi là *không-tướng*, là tỏ nghĩa rằng không trông thấy, chứ không phải là mất hết. Thế cho nên kinh Bát-nhã là kinh nói về nghĩa *tâm* khi Thích-già mới đắc-đạo. Kinh ấy đã nói «Ngũ-uẩn là không cả», rồi nói tiếp ngay rằng: «Thế cho nên những cái không-tướng của các cái phép-tắc là đều chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng bẩn, chẳng sạch gì cả». Lý-thuyết ấy đối với nghĩa *Tâm chân-như bất-diệt*, thực là nhất-trí. Mà Mã-Minh cũng nói đến nghĩa này nhiều, như nói: «Mọi phép-tắc rồi sau cùng là cái thể không hư cả», đó là nói bản-thể. Lại nói: «Thế-giới vô-biên», thì không-gian rộng thế nào. «*Bất hạn kiếp-số*» thì thời-gian dài thế nào. Bản-thể đã bất-diệt như thế thì lại cũng không được cố-chấp mà cho hết thảy là không có gì, là tuyệt-diệt cả được.

Ôi! lý-luận đến như Phật như thế, thực là giong-ruổi tung-hoành điên-đảo cả trong cõi vật-lý, tới chỗ tuyệt-đối mà vén hết cái màn bí-mật của tạo-hóa.

Như thế mà các học-giả hiện-thế chỉ viện cái nghĩa «*không* và *diệt*» mà bài Phật thực là oan.

2º *Luân-lý phả-độ*.— Phả-độ không phải là nói suông, là độ cho hết thảy mọi loài chúng-sinh mà không phân-biệt. Phải phát-tâm làm ra chủng-chủng công-đức hiện-thực một cách tinh-tiến dũng-mãnh mới là phúc-thiện. Có hai bậc: a) Bậc cao thì có hai phép *đại bi* 大悲 *đại-nguyện* 大願. *Đại-bi* là thương khắp chúng-sinh vì vô-minh mà phải chịu những cái khổ về thân và tâm, vì thương mà cứu, cứu thì phải đại-nguyện. Đại-nguyện là nguyện một lòng không phân biệt, làm mọi công-đức, dùng nhiều phương-tiện, cứu-bạt hết-thảy chúng-sinh bị khổ-não mọi nơi. Mã-Minh không nói rõ những công-đức gì, nhưng kinh *Dược-sư* có 12 *đại-nguyện* thì một nửa độ về tâm, một nửa cứu về thân. Về tâm như mong cho chúng-sinh đều được thông-hiểu và tùy-ý làm mọi sự-nghiệp, tức là cái nghĩa tự-giác giác-tha. Về thân thì mong cho chúng-sinh nghèo-đói đều đủ dùng, bệnh-tật đều được lành-mạnh, bị tù tội, bị bức-nhục đều được giải-thoát.

b) Bậc kém thì làm phép bố-thí, tức là đối với cá-nhân lợi cho họ mà cũng lợi cho ta có ba cách. Mã-Minh nói: «Kẻ nào xin tài-vật tùy sức có mà cho, cho mình bớt cái tính tham-bẩn đi. Thấy kẻ nào bị nạn, bị bức, thì tùy sức làm nổi mà giúp đỡ không sợ gì. Kẻ nào xin dạy bảo cho thì tùy biết đâu bảo đấy mà không cầu danh-lợi gì».

Ấy đại-lược những công-đức về *luân-lý phả-độ* là thế. Phật Thích-già còn mong cho hết thảy chúng-sinh đều thành Phật thì ông mới thành Phật. Ông lại mong cho khắp các nơi đất nước ở thế-gian đều thành những nơi trang-nghiêm cõi Phật cả. Xem những ý ấy thì tu Phật không phải là bỏ đây mà đi đâu, cũng không phải thi-bỏ một niêu cháo, và nằm bỏng nẻ, mà gọi là phả-độ chúng-sinh được.

Thích-già không phải là nói suông, mà thực-hành ngay ở đời mình, là cho

người bốn giai-cấp vào qui-y đều bình-đẳng như nhau, không phân-biệt gì, đều cho đội tên họ là Thích-già. Thế là ông đã giải-phóng cho phái dân hèn Ấn-độ bấy giờ được bình-đẳng về tinh-thần ở nơi giáo-hội rồi. Ông lại cho tự-do mà tu-tiến, nam nữ đồng-niên hay là bán-thế, tại-gia hay là xuất-gia đều được tu và đều được thành Phật. Tại-gia mà tu được, mà thành Phật được không khác gì xuất-gia, thì tự-do là dường nào! Lại bất-kỳ hạng nào tội ác gì cũng có thể tu mà thành Phật được, miễn là biết hối tội và làm nhiều công-đức đi. Thật là phương-tiện. Thế mà đế-vương, thầy tu, mà có tội ác thì cũng sa-đọa như mọi kẻ thường. Thật là công-bình.

— Tóm lại hai phần-tử giáo-nghĩa đạo Phật, *triết-lý duy-tâm* với *luân-lý phả-độ* trên ấy là phải cùng nhau tác-dụng, thứ-tự theo nhau, mà không lìa nhau ra được. Đạo Phật là một đạo diệt *ác-niệm* để gây *thiện-căn*, tránh *khổ-sở* để cầu *sung-sướng*. Cầu *sung-sướng* cho kẻ khác là sung-sướng cho mình, kết-quả ở thân sau mà phải tạo-nhân ở thân này. Muốn như thế phải hiểu nghĩa *duy-tâm* mới biết giữ chân-tâm, hiểu nghĩa *duy-thức* mới không đam-mê chấp-chược, mà mới sinh được thiện-niệm diệt được ác-ý, và mới thực-hành được thiện-niệm mà có công-đức, mà được hưởng cái phúc của mình tự-tạo ở trong cõi tinh-thần. Đạo Phật có thể thôi. Chứ thực chẳng phải là *tịch-diệt* là *liễu-tận không-vô*.

Cái chỗ tiến-bộ của đạo Phật, là do mê-tín mà bước lên triết-lý tự-tín. Tông-giáo nào cũng là lấy giải-thoát tinh-thần làm cốt-trụ, lấy chừa ác làm thiện làm sự-công, nhưng đạo Phật là một tông-giáo có giá-trị là ở chỗ *triết-học duy-tâm* và *luân-lý phả độ* ấy. Một tông-giáo mà gần như học-vấn vậy. Công phu là mê-tín tiến lên triết-học, công-dụng là hợp-dụng cả hai. Người hiền-triết thì yêu Phật ở nghĩa *duy-tâm*, người trí-giả thì phục Phật ở nghĩa *duy-thức*, còn dưới nữa thì mộ Phật ở những nghĩa *thiện ác* với *siêu đọa*, *khổ-sở* với *sung-sướng*, Phật thực chiếm hết cả cõi tâm-lý yêu ghét của loài người. Đạo ấy sở-dĩ truyền được rộng là vì thế.

Vậy thì đạo Phật chính là một tông-giáo thế-giới hòa-bình, một tông giáo không trái với chủ-nghĩa xã-hội tiến-hóa. Đạo Phật là mẫn-thế mà cứu-thế, cứu cả tinh-thần xác-thịt cho chúng-sinh ở hiện-tại. Chứ đạo Phật không phải là yếm thế như đạo Lão. Lão-tử muốn tuyệt bỏ cả mọi đức: *thánh* 聖, *trí* 智, *nhân* 仁, *nghĩa* 義, *xảo* 巧, *lợi* 利 để giữ lấy cái phong *tố-phác* 素樸 (*Đạo-đức kinh*) là cái thói quê-kệch của đời hồng-hoang. Như thế thực là thoái-hóa. Thế mà Thích-già thì lại thích bố-thí, thích làm những công-đức thắng-diệu, thích trí-tuệ, vui-sướng, xảo-hảo, lợi-ích về tâm và thân cho chúng-sinh.

2) *Hiệu-quả*.— Tuy thế nhưng đạo Phật không phải là không có chỗ khuyết-điểm. Là, đem đạo Phật mà so với đạo Mặc thì hai đạo cũng cùng là chủ-nghĩa kiêm-ái cả. Kể ra thì về phần tổ-chức cho tông-môn, đặt thống-hệ cho lý-thuyết, quan-niệm cai-quát cả vũ-trụ và vật-lý, đạo Phật hơn gấp mấy đạo Mặc. Nhưng chỗ thực-hành tư-tưởng thì đạo Phật lại kém xa đạo Mặc, là Mặc-Địch can-thiệp mà Cồ-đàm bất can-thiệp.

Đã bất can-thiệp với thế-vụ, không những người bất can-thiệp, mà đến đạo-nghĩa cũng tuyệt nhiên không nói gì đến công việc sinh-hoạt của xã-hội

44

nhân-sinh, thì cái hiệu quả đại-nguyện kia làm thế nào mà đạt được mục-đích. Ấy chỗ khuyết-điểm của đạo Phật, lại mình tự dối mình là ở đó. Vì rằng nếu đạo Phật mà chỉ thuần mê-tín, chỉ lo tế-độ về phần linh-hồn cho người ta thì thôi, ta không phải luận nữa. Nhưng dàng này, đạo Phật lấy *duy-tâm* làm tông-chỉ, lấy *phả-độ* cả tâm-thân cho chúng-sinh hiện-tại làm mục-đích, mà lại bất-can thế-vụ, thì làm thế nào mà đạt được. Thế thì đại-nguyện chẳng qua chỉ là hư-nguyện, là lời nói suông mà thôi, mà bể khổ của chúng-sinh vẫn cứ mênh-mang rào-rạt biết kiếp nào vơi.

Song le, nói đi còn có nghĩ lại, dù sao đạo Phật cũng không phải là đạo để học-hành, mà chỉ là một đạo về tông-giáo tín-ngưỡng. Cái đại-nguyện kia, đạo Phật chỉ cần phản-chiếu vào tâm-giới người ta, chứ không muốn trực-chiếu vào thế-vụ. Vì vậy phép tu chia hai phần : Xuất-gia tu-hành là kẻ duy-trì giáo-nghĩa của bản-đạo và tuyên-dương đại-nguyện của Phật. Còn tại-gia tu-hành là kẻ chịu lấy ảnh-hưởng của đại-nguyện ấy rồi tự tìm lấy phương-tiện mà thực-hành, thực-hành ngay vào trong những chức-nghiệp mình làm.

Ví như việc binh, vị quốc-trưởng chỉ hẹn cho trong quân-đội rằng ai có quân-công lớn thì được phong-hầu. Rồi vị quốc-trưởng ấy thay mặt cả nước mà hiểu cho trong quân-đội biết rằng hại dân là giặc, giặc nên trừ mà dân nên giữ. Muốn có huân-lao phải biết cái gì là đáng quí, cái gì là đáng khinh thì mới dám hi-sinh hết thảy mà làm việc nghĩa. Còn những phương-lược thi-hành ở nơi hàng trận thì cho đều được tiện-nghi, vị quốc-trưởng không biết đâu mà dặn trước. Vì như thế, nghĩa là quân-công tức là chủng chủng công-đức, phong-hầu tức là siêu-thăng, dân tức là tâm-chân-như, giặc tức là vô-minh, biết nghĩa quí-tiện tức là duy-thức, hi-sinh tức là *hỉ-xả* (喜捨 = vui lòng bỏ hết thảy), việc nghĩa tức là phúc-thiện. Thế là Phật bất-can-thế-vụ mà vẫn chi-phối lòng người, cũng tức như vị quốc-trưởng bất-can hàng-trận mà vẫn chi-phối quân-đội.

Hiểu như thế thì cái chỗ ta cho là khuyết-điểm lại chính là cái chỗ khôn-khéo, cao-siêu của Phật đó dư? Đạo Phật sở-dĩ sống còn mãi mà đạo Mặc sở-dĩ chưa thành-lập đã bị diệt là ở đó dư? Trung-thần Nhật-bản nhờ Phật cảm-hóa, Lý Trần sùng Phật mà nước Việt cường là ở đó dư? Những nguyện-vọng chúng-sinh đều thành Phật, các cõi nước đều thành cõi Phật trang-nghiêm, là chỉ cần ở cái chỗ ảnh-hưởng nó phản-chiếu vào tâm-giới loài người mà nên đấy dư?

— Từ mục giáo-nghĩa cho hết mục hiệu-quả là tôi đã làm trọn nghĩa-vụ trả lời mấy câu hỏi của ông khách và của tôi tự hỏi vặn lại về Phật-giáo. Dưới đây tôi sẽ bàn qua về phép tu-dưỡng và nghi-văn của Phật-giáo.

3° *Tu-dưỡng.* — Cứ cái chỗ căn-đề của giáo-lý đạo Phật, *duy-tâm* và *phả-độ*, thì thực là thanh-tịnh và hiền-thực, hầu hết mê-tín rồi. Vậy cách tu đạo Phật chỉ là tu-học, tu-dưỡng mà thôi, chứ không phải là tu để luyện lấy thuật thiêng phép lạ gì như kẻ ngu đã tưởng. Tu tức là tu-thân, tu-thân để được tĩnh mọi sự ngoài mà học, ấy là tu-học. Tu-thân để gây-dựng lấy cho mình có một cái nhân-cách gồm tài đủ đức có giá-trị ở đời, ấy là tu-dưỡng. Cái thân nhục-thể cùng hết thảy mọi cái bám vào thân, đều không đủ quí

mà chỉ có cái nhân-cách có giá-trị là đáng quí mà thôi. Cho nên những người cảm-hóa được một đời, được mãi mãi, tất phải là những người có cái nhân-cách có giá-trị rất lớn, tài-đức toàn-vẹn. Cho nên các đấng đại-triết như Khổng Khâu, Socrate, Descarte, không những lo phát-minh ra đạo-lý để mở-mang tri-đức cho loài người mà tự mình dù lúc bình-cư u-độc, mở miệng nhấc tay, cũng đều đủ cho người yêu-mến và bắt-chước. Mà cho đến những bậc hào-kiệt nhân-nhân chí-sĩ được đời tin cậy cũng đều là những người có công-phu thực-hành những nết hay tính tốt cả. Thế mà nhất là các vị giáo-chủ như Thích-già Jésus lại càng phải có cái nhân-cách có giá-trị đặc-biệt về tinh-thần lắm, vì các vị ấy tự-nhiệm làm tiêu-chuẩn cho đạo-đức. Người đời ngưỡng-mộ tin theo các vị ấy cũng ở chỗ đó nhiều.

Vậy thì kẻ tu đạo Phật, muốn có nhân-cách, phải tu-dưỡng cho mình có đủ trí-tuệ, đức-hạnh. Tất phải lấy những tính hay nết tốt của giáo-tổ mình làm mẫu-mực, và tùy thời thay đổi tìm thêm ra những đức-tính tốt khác nữa, hay là theo tính tự-nhiên của mình mà nó không có ý tà-vọng gì thì cũng được, chứ có hại chi. Miễn là chân-tâm không giả-dối thì thôi. Miễn là tự có được một cái nhân-cách đáng có giá-trị không trái với giáo-nghĩa thì thôi. Vả lại phải biết muốn cảm-hóa đời, không thể xử ngược đời quá được. Như vậy thì mấy trăm điều giới-luật dù có đều là tự Phật Thích-già chế ra để làm khuôn phép cho đệ-tử, thì cũng nhiều điều là do thời-đại tập-quán lúc bấy giờ mà đặt ra. Thời-đại đã đổi, tập-quán đã khác thì phải biến-thông đi, hà-tất gì cứ bo-bo giữ chặt. Bo-bo giữ chặt thế là chấp-pháp, chấp-pháp thì trái với nghĩa *duy-thức* mà đạo ngày càng suy-đồi. Vả bo-bo mấy điều giới-luật tế-toái, mà không phát-huy được giáo-lý thì phỏng có công-đức gì. Phàm đã hay chấp-pháp thì mê, mê thì không biện-biệt được cái hay cái dở, mà cái đáng giữ thì không giữ, lại giữ cái không nên giữ. đạo Phật đạo Khổng sở-dĩ suy, có danh không có thực như gần đây là vì thế.

Tóm lại giới-luật trong tăng-hội có bốn điều quan-hệ nên nghị-luận là: Không lấy vợ lấy chồng, giới-sát cùng ăn chay, đi khất-thực và ngồi thiền-định.

*a) Không lấy vợ lấy chồng.* — Cứ giáo-nghĩa, dù cho những cái không-tưởng của các phép-tắc là bất-diệt, thì Phật-giáo không phải là định làm tuyệt-diệt thế-gian. Cho nên cho tu tại-gia cũng thành Phật, thì đối với sự lấy vợ lấy chồng, Phật cũng không lấy làm sự tội-ác, ô-uế gì. Duy không cho kẻ xuất-gia lấy vợ lấy chồng, là giữ cho kẻ ấy phải vì việc công mà quên phần riêng, phải hi-sinh hết thảy mà chuyên theo đạo cho trọn đó mà thôi. Như thế tưởng chỉ nên để cho kẻ nào thực lòng sở-nguyện thì tùy ý mình, chứ bắt nhất-luật cả thì là ép. Đã ép vị-tất có ích gì cho việc công. Vả muốn giữ giới mà phải cho sự hôn-nhân là tội-ác, ô-uế, mới giữ được điều giới thì là hèn. Không bằng những kẻ vì sự-nghiệp mà giữ « *độc-thân* », kẻ vì gia-đình mà « *ở vậy* », họ chẳng phải bài-bác gì sự hôn-nhân sinh-sản của kẻ khác, mà họ lại giúp vào, thế mà họ vẫn giữ được mình, thì lại càng đúng-lý hơn, mà không làm lầm kẻ khác.

Vì vậy đạo Phật ở Nhật-bản, về phái Chân-tông, cho tăng-đồ lấy vợ, chắc họ cũng nghĩ như vậy.

b) *Giới-sát* cùng *ăn chay*. — Vì thương khắp mọi loài chúng-sinh mà giới-sát. Đã giới-sát thì phải ăn chay, ăn chay thực là một đức-hạnh rất lớn, rất quí của loài người, loài có trí-tuệ, có độ-lượng, biết thương những giống tuy kém mình mà có tri-giác. Vả đối với con vật còn không nỡ giết nó ăn nó, nữa là đối với loài người với nhau. Song lý-luận trái với sự thực, cái luật sinh-tồn tiến-hóa nó không cho ta mãn-nguyện như thế được, thì sự ăn chay chỉ nên coi là một điều để « *làm phép* » mà thôi. Nghĩa là cho tùy ý, ăn *tràng trai* cũng được, mà ăn có định riêng về bữa nào cũng được. Chứ bảo chỉ ăn chay là cứu-cánh tu Phật thì lầm. Ngạn đã nói : « Ăn mặn (ăn thịt) nói ngay còn hơn ăn chay nói dối », là đúng nghĩa tu Phật lắm.

c) *Đi khất-thực*. — Đi khất thực là một thói chung từ cổ của các đạo Ấn-độ. Nay các phái tiểu-thặng đạo Phật ở Nam-dương và các thầy Bà-la-môn ở Ấn-độ vẫn còn giữ thói ấy. Còn các phái Đại-thặng ở những nước vốn có văn-hóa Khổng-học thì bỏ thói ấy đã lâu. Nay tôi cũng bàn qua lại. Có người nói sự đi khất-thực của thầy tu cũng là cách đi tuyên-giáo, tức ta gọi là đi làm quảng-cáo. Song dù thế mặc lòng, cũng là thói ỷ-lại, không tự sinh-hoạt được và coi ra tồi-tàn đầy-đọa khó coi.

d) *Ngồi thiền-định*. — Bảo rằng mỗi ngày có một lần ngồi thiền-định là để cho tâm-thần và các giác-quan được yên-tĩnh mà suy tìm chân-lý, tưởng-tượng ra nhiều cảnh-giới hay-ho mà tự vui. Thế tức cũng là cách *cầu-phóng-tâm* của Mạnh-tử, cách *tĩnh-an lự-đắc* của *Đại-học*, thì cũng có lý. Nhưng tất là kẻ học dã rộng, biết suy nghĩ, thì làm như thế mới có ích, chứ kẻ ốc khô-khan, khiếu tối-mịt thì biết lý đâu mà tìm, biết cảnh gì mà tưởng. Vả kẻ đã có tư-cách suy-nghĩ thì miễn là tìm chỗ tĩnh, ngồi cách tự-do nào, hay là đứng đâu đi đâu một mình vơ-vẩn mà chả được. Cứ gì phải làm cái phép cho thân tâm ù-lỳ như đá gỗ ấy.

4o *Nghi-văn*. — Tinh-thần phải nhờ hình-thức mới càng thêm biểu-lộ, lẽ ấy cố-nhiên. Nhưng hình-thức mà tạp-nhạp, phiền-quấy, hủ-bại thì lại càng thêm làm mất tinh-thần đi. Nghi-văn đạo Phật bây giờ chính như thế.

Nguyên lúc Thích-già còn sống, ông tự nhận là Phật, là độc-tôn ở cõi thế-gian này. Duy về cõi xuất-thế-gian, ông có tôn một vị Phật mà ông tưởng-tượng ra là *A-di-đà* mà thôi. Vì thế ông là thánh sống đó rồi, trong tinh-xá ông không phải thờ ai nữa, cho nên không đặt ban thờ và không bày tượng pháp gì. Vả trong tinh-xá chỉ là nơi thầy trò học-tập tu-dưỡng, là tòa giảng, là đàn diễn-thuyết mà thôi. Không có cúng vái lễ lạy gì. Sau khi Thích-già mất, môn-đồ tôn ông làm giáo-tổ, tạc-tượng ông để thờ, từ đó mới có ban thờ và có tượng, gọi là « *tượng giáo* 像教 ». Nhân họ lại bày ra cách lễ bái, tụng-niệm để giúp thêm cho sự tu-dưỡng, quan-niệm đạo Phật thành một tông-giáo hoàn-toàn từ đó. Song như thế cũng chưa đủ cảm-hóa được bọn chúng-sinh thô-thiển trong tăng-hội và ngoài thế-tục, họ bèn lấy thuyết « *giả sắc tướng dĩ trang-nghiêm* 假色相以莊嚴 = Mượn sắc-tướng để cho thêm trang-nghiêm » làm phương-tiện, mà nhiều những tượng thần về tư-tưởng, hoặc về thí-dụ, về tiểu-thuyết trong kinh Phật đều hiện nên làm thân đất gỗ, bày lố-nhố lên ban bệ, truyền vào Trung-

quốc lại đem cả tượng thần của phái đạo-sĩ bày lẫn vào. Sự lễ-bái thì diễn ra những cái kịch làm đàn, làm chay, khai-quang, phá ngục. Tóm lại đều là bịa-đặt ra để cảm-hóa kẻ ngu, mà thành vô-số hủ-tục.

Dân-trí chưa mở-mang thì thế-tục hay thích sự gở lạ. Nghĩa-lý tuy thực tuy quí, nhưng sâu-xa khó hiểu. Tăng-đồ về sau hiếm có cái nhân-cách có giá-trị, đủ tài đủ đức chân-thực cho đời cảm-phục, và cũng không đủ hiểu mà tuyên-dương được chính-nghĩa của Phật-giáo ra, họ bèn lại mượn kế để làm hoặc người, là mượn phù-chú, thần-thông, nói là thiêng-liêng là biến-hóa được, chứ thực phù-chú, thần-thông chẳng có thiêng-liêng biến-hóa gì. Mà chính Phật Thích-già cũng chẳng có đâu những sự khi-trá ấy.

Tu Phật ở Việt-Nam, những người có làm sách làm luận để phát-huy được một vài điều về chính-nghĩa, như xuất-gia thì Viên-Chiếu, Hượng-Hải, tại-gia thì Trần Thái-tông, ấy đều là chính-tông. Còn mượn thuật thần-thông, phù-chú như Từ Đạo-Hạnh, Khổng-Lộ đều là tà-hoặc.

∴

Lấy vài mươi trang giấy nghiên-cứu và phê bình, đối với cái bể Phật-học mênh-mang, tôi cũng tự biết là quá bạo. Song tôi đã tóm được cái chỗ cỗi gốc là bài luận giải-thích cho chính-nghĩa đạo Phật của Mã-Minh, kẻ có công của đạo Phật. Bài này lấy tư-cách khách-quan, cứ sở biết mà nói cho khỏi thiên. Vả chỉ nói cho khám-phá ra đấy thôi, còn muốn cải-chính đã có môn-đồ nhà Phật. Mà có cải-chính cũng chỉ nên khử cho hết cái tệ ở phần tu-dưỡng và ở phần nghi-văn mà thôi, còn giáo-nghĩa như trên đã nói là chân-chính hiển-thực lắm rồi.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

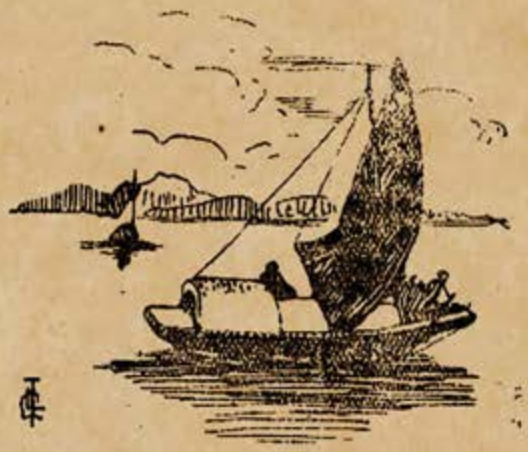

# LỊCH-SỬ NGOẠI-GIAO CỦA BẢN-TRIỀU

**(Khảo về những đoạn đối-phó và giao-thiệp với người Tây-phương)**

*Năm 28 (1645) triều Thái-tổ, người phương tây hiệu là Qui-hiền đem 5 chiếc thuyền lớn vào cửa Việt (thuộc Quảng-trị). Vua sai Thái-tử ra đánh, phá được hai chiếc thuyền, rồi bọn người ấy phải thua chạy.*

*Năm 31 (1679) triều Thái-tôn, những bọn Dương Ngạn-Địch, Trần Thượng-Xuyên là tướng-tá cũ của nhà Minh bên Tàu, đem trót mấy ngàn quân lính và thuyền bè vào cửa Tư-dung và cửa Đà-nẵng, tự-xưng là bầy tôi cũ nhà Minh, không chịu thần-phục nhà Thanh, xin đến làm thần-bộc với vua ta. Nhà vua không nỡ cự-tuyệt, bèn ban cho chức tước và cho vào ở miền Đồng-phố (tên cũ Gia-định); Dương Ngạn-Địch trú-ngụ ở Mĩ-tho (thuộc Định-tường), Trần Thượng-Xuyên trú-ngụ ở Bàng-lân (thuộc Định-tường), dần-dà khẩn-tịch đất hoang, tạo lập phố xá; từ đó người Tàu, người Tây, cùng người Nhật, người Chà thấu-tập ở Gia-định dần dần trở nên một nơi đô hội phồn-hoa.*

*Năm Nhâm-dần thứ 3 (lúc ấy đức Cao-hoàng còn xưng vương-vị) (1782) Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Nhạc vào cướp phá cửa Cần-giờ, vua sai chức Cai-cơ là Mạn-hòe (người nước Pháp) đem chiếc tàu tây và quân lính ra chống-cự, Mạn-hòe cố sức cự chiến không nổi phải chết và chiếc tàu ấy cũng bị đốt cháy.*

*Năm Qui-mão (1783) đức Cao-hoàng còn ở Phú-quốc, nghe ông Bá-đa-lộc ở Xiêm, ngài bèn khiến người vời đến, ông vào yết-kiến xin tùy mệnh vua sai khiến, vua dùng lễ tân khách đối-đãi với ông, nhân lúc đó vua mới ủy-thác ông về việc đưa ông Hoàng-tử Cảnh sang Đại-Pháp để cầu-viện, đi ngót 2 năm mới đến nơi, nước Đại-Pháp bèn sai Nguyễn Văn-Thắng, Nguyễn Văn-Chấn đi theo ông Bá-đa-lộc mà hộ Hoàng-tử về nước; ông Thắng, ông Chấn đều tự-nguyện làm tôi, vua cho làm cai-đội và ban thưởng tiền-bạc.*

*Năm Qui sửu thứ 14 (1793) vua sai cai-đội là Quăng-nôi-ve, đội-trưởng là Ba-đờ-chi (đều người tây) sang những nơi Cô-á-thành, Mã-la-kha để mua binh-khí.*

*Năm Ất-mão thứ 16 (1794) sai Vệ-úy Ô-ly-vi sang nước Hồng-mao mua binh-khí.*

*Năm Mậu-ngọ thứ 19 (1798) người nước Hồng-mao đến dâng phương-vật.*

*Năm Tân-dậu thứ 22 (1801) sai Quản-phụng-phi-thuyền Nguyễn Văn-Chấn, Quản-bằng-phi-thuyền Lê Văn-Lăng chở gạo ra quân-thứ ở Chi-nại.*

*Năm Gia-long thứ 3 (1804) (năm ấy ngài đã lên Đế-vị rồi) người nước Hồng-mao sai sứ sang hiến phương-vật, yêu-cầu thông-thương, và xin lưu người nước ở lại Đà-nẵng để đi lại thương-mại, vua không đành cho, bèn ban cho phẩm-vật mà khước những phương-vật của người Hồng-mao đưa dâng, sau người Hồng-mao cứ xin mãi về*

*việc thông-thương, nhưng nhà vua không chuẩn-doãn.*

*Năm Gia-long thứ 6 (1807) người Hồng-mao tên là Kê-lê-miêng đem tàu đến Đà-nẵng, vua sai người đến xét xem có cớ gì mà tới, rồi đưa về Kinh, khiến ông Nguyễn Văn-Chấn cùng nói chuyện, Kê-lê-miêng nói rằng chủ thuyền ấy tên là Áp-bộc-miệt-Lăng, trước thương-mại ở Gia-định, đưa nhiều súng đạn bán cho nhà vua, nay nhân túng rối, xin trả thêm cho cái giá bán ngày trước. Vua ban rằng : Nay chúng đã kêu là túng rối, vậy thể-thống triều-đình ta không hẹp gì, bèn cấp cho 24.080 đồng bạc.*

*Năm Gia-long thứ 7 (1808) người chủ tàu Hồng-mao là Tô-lô-chuy-la-môn chở 500 người Hoa-thương đến Đà-nẵng, quan tỉnh Quảng-nam tâu lên, vua ban cấp những bọn bị nạn tiền gạo, lại sai người đưa về Tàu và thưởng cho người Hồng-mao ấy 300 phương gạo.*

*Năm Gia-long thứ 11 (1812) tàu của người Hồng-mao tên là Cốt-luân đến Đà-nẵng, làm giấy dâng lên vua nói người thuyền-trưởng trước là Áp-bộc-miệt-Lăng trước bán súng đạn, giá tiền còn thiếu, xin trả cho thêm. Vua dụ cho trấn-thần trả lời rằng : Đã không tính kể mà trả thêm cho một lần rồi, nay không có thể trả nữa và bảo đưa cái sổ bán hóa hạng trước cho mà xem, rồi Cốt luân chịu không dám đòi hỏi nữa.*

*Năm Gia-long thứ 12 (1813) người đi sứ Tàu đem về một bức thư của nước Mã-cao và quyển lịch tây, vua khiến ông Nguyễn Văn-Thắng dịch ra để tấn-lãm.*

H. C. T.

# VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN
## 越南祖國粹言

XVIII

873— *Trai anh-hùng vô-duyên,*
*Gái thuyền quyên bạc-mệnh (1).*
874— *Trai khôn kén vợ chợ đông,*
*Gái khôn kén chồng giữa chốn ba quân (2).*
875— *Giàu không hà-tiện, khó liền tay,*
*Khó không hà-tiện, khó ăn mày (3).*
876— *Trời nào có phụ ai đâu,*
*Hay làm thì giàu, có chí thì nên (4).*
877— *Học thầy chả tầy học bạn (5).*
878— *Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập (6).*
879— *Khác máu tanh lòng (7).*
880— *Hạt tiêu nó bé nó cay,*
*Đồng tiền nó bé nó hay cửa quyền (8).*
881— *Hỏi vợ thì cưới liền tay,*
*Chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha (9).*
882— *Yêu nhau rào giậu cho kín (10).*

1) *Anh-hùng*, đã chua nghĩa ở một thiên trên. *Vô-duyên* 無緣 = không có duyên may. *Thuyền-quyên* 嬋娟 = người con gái rất đẹp. *Bạc-mệnh* 薄命 = Số mệnh mỏng-mảnh nên hay bị vất-vả.

Ý hai câu này là nghĩ rằng: Bảng lẽ người con trai có tài-năng nào cũng phải gặp được bước may-mắn, người con gái nào có nhan-sắc hơn người cũng được hưởng phúc đầy-đủ thì mới phải. Thế mà thường thấy nhiều trai anh-hùng lại không có duyên may, nhiều gái thuyền-quyên lại hay bị vất-vả, nên nói ra hai câu ấy là lấy cái thuyết «*thừa-trừ*» để an-ủi cho hai hạng người ấy. Nghĩa là được gia đàng nọ thì phải giảm đàng kia, đạo trời vẫn thế. Song xét ra thuyết ấy chẳng qua dùng để làm cái nghĩa an-ủi cho hai hạng người tài-sắc mà bất-hạnh đó thôi, chứ thực chẳng phải là đạo trời có tất-nhiên như thế đâu. Cái cớ sở-dĩ thường có hai hạng người này là: Đã là anh-hùng tất không chịu lụy, lại gặp lúc đời suy, nên càng anh-hùng bao nhiêu lại càng vô-duyên bấy nhiêu. Sắc đẹp là cái mà người đời hay ước-ao, người con gái có nhan-sắc mà không có đức tốt thì lại thường hay hợm mình. Ước-ao sinh tranh-cướp, hợm mình sinh kiêu-căng, hai cớ này đủ khiến cho nhiều gái thuyền-quyên bị vất-vả. Thế thì trai anh-hùng mà vô-duyên, tất là anh-hùng gặp lúc đời suy. Gái thuyền-quyên mà bạc-mệnh tất là thuyền-quyên hay hợm mình. Chứ anh-hùng đắc-chí cũng nhiều mà thuyền-quyên hưởng phúc có thiếu gì.

2) Chợ đông tuy tào-tạp, nhưng chợ đông mới đủ hạng gái hiền, gái đảm, gái lịch. Cho nên không nề tào-tạp mà

đem con mắt tình đời ra kén vợ ở giữa chỗ chợ đông mới là trai khôn. *Ba-quân* là ba đạo quân, mỗi đạo quân có một vạn hai nghìn năm trăm người. Nghĩa bóng ba quân là chỗ đông những đàn ông họp-tập. Chỗ ba quân tuy lộn-xộn, nhưng ở đấy mới đủ các hạng trai tài-trí họ đua tranh nhau và tiện mà so-sánh. Cho nên giữ được chí mình mà bạo dạn ra giữa chỗ đông-đúc những con trai tụ-hội gành đua mà kén lấy chồng, mới là gái khôn. Coi hai câu này thì biết phong-tục Việt-Nam từ xưa cũng đã khoan-dung cho trai gái được tự-do kén chọn lấy bạn hiền trăm năm, chứ có ngăn-cấm ép-uổng gì quá đáng đâu. Giản-hoặc có ép-uổng là thói riêng của từng nhà.

3) Răn giàu nghèo đều phải lấy đức kiệm làm đầu. Nếu không biết giữ đức kiệm thì giàu hóa khó, khó hóa ăn mày ngay, không sao tránh khỏi.

4) Trời là lẽ công, lẽ tự-nhiên, không tây-vị gì ai. Hay làm là làm không biết chán, nên tích-trữ được nhiều mà giàu, có chí là không bao giờ đổi chí-mình, một niềm tu-tiến nên làm nên được người hay, lẽ tự-nhiên như thế. Nếu làm ít mà muốn giàu, không bền chí mà muốn hay, không được lại bảo là trời phụ thì là tự làm lầm cho mình.

5) Học trò hay an trí là thầy biết hơn mình nhiều, nên lúc thầy dạy thường coi thoảng qua. Còn bạn thì cũng như mình, thế mà thấy bạn có điều gì biết hơn thì lấy làm sỉ, nếu phải học lại điều ấy ở bạn thì tất chú-ý mà nhớ. Vì thế học thêm ở bạn lại càng chóng tiến ích. Đó là cái phép cầu học của kẻ học-trò trong khi gần thầy gần bạn.

6) *Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập* 禍從口出。病從口入。= Tai-vạ tự mồm mình gây ra, bệnh-tật tự mồm mình đem vào. Kẻ vô ý thường đem những điều bí-mật nói tiết-lộ ra, hoặc hay nói những điều can-phạm đến kẻ khác một cách xấu bụng, vì thế mà bị tai-vạ. Cho nên nói tai-vạ tự mồm mình gây ra. Tật-bệnh phần nhiều do ăn uống những của độc, hoặc ăn uống thái-quá mà sinh ra. Cho nên nói tật-bệnh tự mồm mình đem vào. Hai cái hại làm cho mình khốn-đốn đều tự mồm mình gây ra hoặc đem vào cả. Vậy ở đời phải giữ mồm cho cẩn-thận. Chớ nói bậy, chớ ăn càn.

7) *Khác máu* là khác anh em khác họ hàng, khác giống loài. *Tanh lòng* là bụng nghĩ riêng tây, độc dữ, không yêu thương, thường chứa những ý xấu-xa tanh-hôi. Nghĩa hẹp nói về giữa những kẻ khác anh em, khác họ hàng với nhau. Nghĩa rộng nói về giữa những kẻ khác loài-giống với nhau. Đây là dạy không nên quá tin những kẻ khác máu với mình như thế, mà vội ngỏ tâm-sự, giao vận-mệnh cho họ. Trong *Xuân-thu Tả-truyện*, Quản-Trọng Tướng-quốc nước Tề đối với người nước Sở cũng nói: « Không phải cùng một loài giống với ta, thì bụng nó tất khác ». Đó là Quản-Trọng chỉ về người nước Sở giống phương nam khác với người Trung-quốc, giống phương bắc của Quản Trọng. Tức là ý này.

8) Lấy hạt tiêu để biểu-thị cho đồng tiền. Hạt tiêu tuy bé mà nó cay. Đồng tiền cũng thế, hình-thù nó bé mà nó có quyền sai khiến được người ta, thì đừng khinh nó mà bị với nó. Phải làm cho có tiền mà dùng đừng ỷ-lại vào người ta mà bị nó sai khiến, cũng đừng vì nó mà làm việc trái lương-tâm để nó hành-phạt mình.

9) Đây là dạy phép hôn-nhân, hỏi rồi cưới, phải cho nhanh chóng, lễ cưới cách lễ hỏi chỉ một thời-kỳ trong một năm trở lại là cùng. Vì việc hôn-nhân không bao giờ xứng ý được cả mọi người, ngoài đôi trai gái và hai bên cha mẹ ra, thường hay có dị-nghị, nhất là chỗ hỏi giạm không được, họ chỉ chực thừa-cơ mà gièm-pha. Cho nên đã hỏi rồi, việc hôn đã tuyên-bố cho ngoài biết rồi thì phải cưới ngay đi. Nếu để lần-lừa e sẽ sinh chuyện.

10) Hai nhà ở liền nhau mà thân yêu nhau lắm, bấy giờ không còn có ý gì ngờ nhau nữa, thì người ta thường để thông luôn không ngăn rào cho tiện thì-thọt lúc nào cũng đến với nhau được. Nhưng làm như thế mãi mãi thì khỏi sao không xảy ra có sự mất-mát cái gì của một bên nào. Lúc đó giữ sao bền lòng tin nhau mà nhà nọ không ngờ nhà kia, hay là nhà nọ dù không ngờ thì nhà kia khỏi sao không chạnh lòng. Thế thì ở liền nhau như thế, cứ rào lấy bờ giậu phân-biệt cho kín. Khi có mất-mát gì, nhà nọ không ngờ được nhà kia mà nhà kia cũng không phải chạnh lòng, hòa-khí vẫn như thường, thế tức là yêu nhau một cách lâu dài. Cho đến những việc thuộc về ý-tứ tâm-tình, dù thân yêu nhau đến đâu cũng phải rào cái bờ giậu bằng lễ phép cho nghiêm, đừng nên xuồng-xã chung-chạ quá, mới là cách biết thân yêu nhau.

* * *

*883 — Khỏi họng ra bọng dơ* (1).
*884 — Sống ở làng, sang ở nước* (2).
*885 — Khi giận ai bẻ thước mà đo* (3).
*886 — Khôn ba năm, dại một giờ* (4).
*887 — Khôn thì ngoan, gian thì nồng* (5).
*888 — Không bột sao gột nên hồ* (6).
*889 — Khi măng không uốn thì tre trổ vồng* (7).
*890 — Khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời* (8).
*891 — Khéo làm tôi vụng, vụng chẳng làm tôi ai* (9).
*892 — Không cho nói thì khóc, Cho nói thì móc câu dại* (10).

1) Dịch ở câu Hán-tự « Quá khẩu thành tân » ra. Đó là răn cho người ta biết mà chớ quá ham những miếng ăn ngon ăn quí. Ăn để mà sống, chứ không phải sống để mà ăn. Vả ăn để sống là việc cần chung thân, tự mình làm ra mà có, chứ không phải ở một bữa và nhờ ở ai cho mà được. Vậy thức ăn chỉ cần đủ no, đủ tư-dưỡng mà thôi, còn ngon hay là không ngon, quí hay là không quí, qua miệng vào bụng đều tiêu-hóa mà còn chất bã tống ra cả. Chứ miếng ăn ngon hay là quí mà không đủ tư-dưỡng cũng không ích gì. Thế thì không nên vì thích-khẩu mà chuyên cầu-cạnh lấy miếng ăn ngon, cũng không nên hám bữa ăn ngon của kẻ khác để lụy đến thân-danh. Phải biết nó ngon nó quí đến đâu, khỏi họng cũng thành vật hủy-hoại cả. Có thể thoảng qua đi được cả.

2) *Làng* là một bộ-phận nhỏ trong nước. Cũng như thân người, nước là toàn thân, làng là từng chi-thể một. Vậy nước mới chính là xứ-sở chung của nhân-dân, còn làng chỉ là những nơi sinh-trưởng trụ-cư tùy theo sở-ngộ, sở-tiện của từng người. Cho nên nói : *Sống ở làng sang ở nước*, nghĩa là mình sinh-trưởng trụ-cư hay là thiên-tỉ đến ở làng nào cũng là làng của mình cả, nhưng làng nào cũng là làng của nước, thì tuy ở làng nhưng phải lo làm bổn-phận để đối với nước. Có được danh-giá với nước mới đáng được là sang-trọng. Đây là tỏ cho những kẻ chỉ khư-khư biết có một số làng mà tự lấy

cái góc chiếu cao thấp làm sang-trọng nên tỉnh biết.

3) Đây là ý nói nên lượng-thứ cho người ta lúc giận. Lúc giận thường hay thiên, ít còn giữ được công-bằng. Vì thế mà lời nói việc làm trong lúc giận thường thiên đi một cách quá-đáng. Nhưng sau người giận ấy đã hối mà biết là thiên, thì cũng không nên trách nữa, không nên xét lại từng ly từng tí điều lầm-lỗi ấy nữa, nên lượng-thứ cho. Lúc đã giận mà nghĩ thiên đi thì ai có còn định được là chỉ thiên đến quãng nào như người bẻ thước mà đo cho biết chừng.

4) Lời người gái góa tỏ ý lo về sự thủ-tiết là khó-khăn. Ý nói vẫn biết thủ-tiết được là khôn, thất-tiết là dại. Nhưng vật-loại còn có tình nữa là người, nhất là đang độ trẻ-trung là lúc tình xuân đang thịnh, người gái góa chốn phòng không, giữ mình thực khó hơn giữ lửa. Cho nên có thể tự-quyết là khôn mà cư-tang thủ-tiết ba năm được. Vì nó đã có một cái thời-kỳ có hạn đấy rồi, có thể cố được. Còn ngoài hạn ấy ra thì không dám chắc, hoặc chỉ trong một giờ rất ngắn mà đến chịu là dại để thất-tiết cũng chưa biết chừng. Ôi, ba năm thì khôn được, mà một giờ phải chịu dại, sự thủ-tiết gian-nan đáng thương là dường nào! Người gái góa nói thế là để phòng-xa, ý cho rằng nếu không ở vậy được mà có phải bước đi lần cầu nữa, cũng là vì cái tình thiên-nhiên nó xô-đẩy mà không chống nổi. Coi đó thì xã-hội cũng nên lượng-thứ cho tùy-tình mà không nên ép người gái góa trẻ về sự thủ-tiết.

5) *Ngoan* là ngoan-ngoãn, một nết tốt đáng yêu. *Nồng* là nồng-nàn, một sự mãnh-liệt. Đây nói quả là khôn, xử-sự đều phải thì người ngoan-ngoãn ai cũng yêu. Nếu giả dối, lựa khôn mà thực gian-trá thì người ta biết, ai cũng ghét mà dãi lại cho những điều nồng-nàn quá-đáng.

6) Có chỗ nói: «*Có bột mới gột nên hồ*», cũng mộ ý này. Lời nói bóng, *bột* tức là vốn, phải có vốn mới làm nên được giàu có. Còn như không vốn cũng như không có bột thì không tài nào quấy nên hồ được. Lại có chỗ nói: «*Ai hay nước lã quấy nên hồ*», là nói rằng không ngờ tay trắng mà làm nên.

7) Ví với việc giáo-dục đồng-ấu, cũng nghĩa như câu: «*Bẻ không vin, cả gẫy cành*».

8) Nói về khi phân-tranh mà hai bên phần trí phần lực ngang nhau thì những cái mẹo khôn để lừa, sức khỏe để hiếp, không ăn thua. Mà chỉ có lẽ công và lời chính là dủ định được phải trái mà thôi. Nhưng lại phải biết nếu một bên kém về phần trí hoặc về phần lực thì bên kém lại không nên tin cậy ở câu này. Vì đời chỉ có sức mạnh chứ không có lẽ công.

9) Đây là lời của kẻ vụng nói «cối», mà cũng là một câu nói dại. Nguyên trong chữ Hán có câu: «*Xảo - giả chuyết chi nô* 巧者拙之奴 = Người khéo là bầy tớ người vụng». Là lấy rằng người càng khéo càng phải nhọc lòng để suy-nghĩ, chế-tác đặt bày ra việc nọ công kia, kẻ vụng chẳng vất-vả gì mà được hưởng hạnh-phúc. Thế là người khéo là bầy tớ người vụng. Lời phản-luận của phái phóng-đạt nói như thế để che sự lười. Song phải biết sự bầy tớ đó là cha mẹ sắm-sửa cho con, thầy lo-liệu cho trò đó thôi, chứ người vụng có làm chủ được người khéo bao giờ. Còn như câu ngạn

quốc-âm của ta này thì lại đứng hẳn về bên kẻ vụng mà cãi « cối » là kẻ khéo phải làm tôi kẻ vụng. Nói thế không biết rằng văn-minh với dã-man, khác nhau chỉ có khéo với vụng mà thôi. Đời nay phấn-đấu với nhau bằng trí-xảo, tranh nhau lấy đất mới để bán cái khéo mà lấy lợi. Khéo càng nhiều, đất bán càng rộng thì càng cường-thịnh mà làm chủ-nhân trong thế-giới. Nếu những kẻ ở những đất tiêu-thụ đồ hàng trí-xảo mới ấy, tự-đắc dại là được kẻ khéo phải đem cái khéo đến dâng cho mình như kẻ làm tôi mình, mà không lo học-tập theo đòi lấy cái khéo cũng được như người, thì nguồn lợi hao-kiệt đến hết mà khó giữ được sống còn. Cho nên ta cho câu này là nói « cối » mà thành ra lời nói dại.

10) Tự-do ngôn-luận là một luật-điều công-bằng rất quí. Thuộc về việc chung, kẻ có trách-nhiệm đều được nói bàn để tỏ bày ý-kiến. Hợp nhiều ý-kiến lại ấy là công-luận. Song có tư-tưởng xứng-đáng thì mới nói nên, kẻ chưa được nói mà muốn nói, đòi được nói thì phải sắp-sửa lấy có tư-tưởng cho xứng-đáng đã. Như thế khi đã được nói tự nói nên lời, phát-biểu được ý-kiến hay, ai cũng phải kính-phục mà thành được việc tốt cho xã-hội. Chớ đừng như người đã bị câu mắng-nhiếc này : « Chỉ biết đòi nói mà không biết dự-bị lấy tư-tưởng trước, đến khi nói bèn nói ra những câu vô-lý hoặc hấc-lờ, để kẻ không muốn cho nói có cớ mà khinh bỉ bài-bác, cho rằng *không cho nói thì khóc, cho nói thì móc câu dại*. Vậy kẻ nào muốn được tự-do bàn nói, muốn nói vào nơi việc công nên nghĩ kỹ câu này.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỖ-NAM

Truyện ngắn

# ÔNG HỘI HỞ

■

*Người ta đến lúc túng kế thường hay sinh ra nói dối, cốt để tránh cái lỗi mình làm lúc bấy giờ, nhưng tránh được lỗi nọ thì hay mắc phải tội kia, chứ không bao giờ thoát được cả. Một lần, tôi cũng vì nói dối mà phải hú vía, đến bây giờ nghĩ lại mà hãy còn hối mãi.*

*Một đêm, tôi đi chơi về khuya, gọi cửa. Vợ tôi càu-nhàu mãi mới chịu mở cửa cho tôi vào. Tôi vừa bước chân qua ngưỡng cửa thì vợ tôi đã hồng-hộc lên như con sư-tử cái mà mắng diếc tôi là đi trai gái cờ bạc. Biết mình đương ở vào cái địa-vị khó xử, chẳng lẽ tôi lại bắt chước những kẻ vũ-phu, đã chẳng biết lỗi mình thì chớ lại còn giở võ-lực ra để đối-phó với vợ thì thật là hèn nhát vô-cùng. Mà tôi cũng chẳng quá hèn như cái anh Phán nào, đã sợ vợ như sợ cọp, lại còn hay đi chơi cô đầu. Mỗi lần đi chơi về, lại bị vợ đả cho một trận nên thân, thế mà hãy còn lấy sĩ-diện với hàng xóm; cứ mỗi khi vợ túm ngực tát cho một cái thì lại vờ kêu to lên: «Ối trời ôi! tôi lạy cậu rồi!» để cho hàng xóm tưởng rằng mình đánh được vợ đây chứ không phải vợ đánh mình. Nhưng tôi sợ im đi thì vợ tôi lại được thể mắng mãi thì còn gì là thể-diện, mà có lẽ đêm hôm sau tôi cũng không đi chơi đâu được nữa. Nhờ trời tôi cũng nhanh trí khôn, gặp những lúc lâm nguy như thế, tôi tìm ngay được cách gỡ mình như chơi; cho nên không bao giờ tôi bị vợ đánh cả. Nhân năm ấy ở xứ ta xảy ra những việc rắc-rối bắt-bớ lôi-thôi về hội-kín hội-hở, tôi liền nghĩ ngay ra được một kế để dọa vợ. Kế ấy thực là lưỡng-lợi, làm cho vợ tôi không dám hé răng mà tôi lại đi chơi được tối nữa.*

*Vợ tôi vừa mắng tôi được vài câu thì tôi liền dậm chân bảo rằng tôi đi có việc can-hệ, chứ không phải đi trai gái cờ bạc! câm ngay đi không thì chết cả nút! Tôi tưởng nói ý thế thì vợ tôi hiểu mà im ngay đi. Ai ngờ vợ tôi không hiểu, lại cứ cha-chả mắng tôi nếu không đi trai gái, cờ bạc thì rúc vào đâu mà đến bấy giờ mới về.*

*Tôi liền đóng cửa lại và khẽ bảo vợ tôi rằng tôi phải đi về việc hội-kín. Nghe tôi nói đến hội-kín, vợ tôi dẹp ngay cơn thịnh-nộ, tái mét mặt đi, run lên cầm-cập mà nhìn tôi và lầm-bầm nói: «Chết! tôi đã bảo cậu mà! sao cậu lại còn dại thế! cậu chẳng nghĩ thương vợ thương con tí nào!» Rồi nằm vật xuống giường mà ri-rỉ khóc.*

*Thế là tôi đã đánh đổ được lòng vợ, đã chắc từ hôm ấy trở đi tôi có đi chơi về khuya, vợ tôi cũng không dám to tiếng với tôi nữa. Tôi lấy làm mát ruột lắm. Nhưng chẳng lẽ để vợ tôi khóc*

mãi thì không tiện, tôi phải tìm lời an-ủi. Tôi vờ làm mặt buồn bảo vợ tôi để mai tôi viết thơ mời người ta đến đây để nói xin ra hội. Bấy giờ vợ tôi cũng đã bớt sợ, bảo tôi đi đến nhà người ta mà nói chứ đừng mời đến nhà mà nhỡ ra lại oan-gia. Thế là tôi lại được đi chơi tối nữa.

Tối hôm sau, tôi cùng một người thiếu-nữ đang đi hóng mát quanh bờ hồ Hoàn-kiếm, thình-lình gặp ngay vợ tôi đi thu họ. Nếu như trước mà gặp những trường-hợp này thì tôi đã phải co cẳng chạy một mạch và có đến hàng mấy tuần lễ cũng chưa dám vác mặt về nhà. Nhưng hôm ấy thì tôi không sợ tí nào, liền mạnh bạo đến thẳng trước mặt vợ tôi, vừa chỉ người thiếu-nữ vừa sẽ nói : « Tôi đương nói với người kia để xin ra hội, người ấy là đảng-viên hội-kín đấy ».

Vợ tôi chẳng nói-năng gì, liếc mắt nhìn người nữ đảng-viên rồi rảo bước đi thẳng, chẳng hề quái cổ lại. Có lẽ vợ tôi sợ bị vạ lây, nên không dám đứng lại nói chuyện với cô gái có chí-khí anh-hùng ấy. Liền lúc ấy có một người đàn ông đi sau tôi mà tôi không để ý đến, chẳng biết người ấy có nghe thấy tôi bảo gì vợ tôi không, mà lúc vợ tôi đi rồi, anh ta cứ đứng nhìn mãi tôi và người thiếu-nữ đi với tôi.

Tôi để cho vợ tôi đi khuất, rồi tôi liền về nhà ngay kẻo vợ tôi nghi. Tôi về đến nhà, vợ tôi cũng không rức-lác gì tôi cả.

Sáng hôm sau, tôi vừa ngủ dậy, đương cùng ngồi uống nước với người em trai họ mới ở nhà quê ra chơi hôm trước. Bỗng thấy một cái xe ô-tô đỗ xịch ngay ở trước cửa nhà tôi. Rồi thấy hai người mật-thám tây và hai người mật-tham ta bước xuống đi sộc vào đến chỗ chúng tôi ngồi. Tôi vừa đứng dậy hỏi được một câu : « Các ngài muốn gì ? » thì hai người mật-thám ta, một người mà tôi đã gặp ở bờ hồ tối hôm trước, liền túm lấy tôi, xích tay tôi lại rồi lôi tôi ra ô-tô. Tôi chẳng hiểu đầu đuôi ra sao mà tôi bị bắt. Tôi sợ quá, khóc sướt-mướt. Lúc bước chân lên ô-tô, tôi quay lại dặn vợ tôi phải mau mau mượn người làm giấy khiếu-oan cho tôi, thì tôi mới chóng được tha.

Tôi bị giải về giam ở nhà pha hỏa-lò để xét hỏi. Trong khi ấy, thỉnh-thoảng vợ tôi mua quà đem vào thăm tôi, tỏ ý thương hại tôi lắm. Tôi bị giam lo như ếch nằm trong xiếc. Lại khổ một nỗi là cái bệnh khí gió mà tôi mắc phải mấy hôm trước, bấy giờ mới phát ra, thuốc men chẳng có, làm cho tôi suốt ngày suốt đêm cứ phải ngồi tựa lưng vào tường mà gọi cha gọi chó. Tôi tưởng nếu tôi bị giam độ nửa tháng nữa thì cái bệnh ấy nó làm cho tôi đến rụng cả răng. Song cũng phúc cho tôi, tôi chỉ phải giam hơn một tuần-lễ thì quan tòa xét ngay ra được là tôi vô-tội, liền tha tôi ngay. Giá lúc tha tôi, ngài đừng bắt lấy cung tôi lần nữa, chắc vợ tôi chưa biết việc tôi làm thì tôi còn có thể-diện một tí với vợ tôi. Nhưng chẳng may lúc lấy cung tôi, vợ tôi lại có mặt ở đấy, mà cả người thiếu-nữ kia cũng phải bắt đến đấy. Vợ tôi nghe chúng tôi khai tỏ đầu đuôi việc chúng tôi làm, biết tôi chỉ là người vạ miệng dọa vợ để lấy cớ đi với gái hồng-lâu cho dễ mà thôi, chứ chẳng có chân trong hội-kín hội-hở nào cả.

Tôi được quan tòa tha bổng, nhưng lại bị vợ khép ngay vào tội chim gái mà nện cho tôi một trận nên thân, và bị vợ tôi thi-hành ngay luật quản-thúc tại-gia từ đấy. Từ ngày ấy cho đến bây giờ thỉnh-thoảng vợ tôi lại gọi đùa tôi là ông hội-hở mà diễu tôi.

LÊ ĐỨC-NHƯỢNG

# VĂN-UYỂN

### Cùng hai ông huyện Bình-lục và Duy-tiên lên núi Đọi

與維先平陸二尹登龍隊山
龍隊山頭叩梵王
登臨四顧水滄茫
李朝甃塔埋砂石
鄭主殘碑證海桑
牛活民情經滄後
循良吏治紓年荒
觀風此日相攜手
佇立松關借晚涼

Trèo lên non Đọi thăm chùa,
Cúi trông bốn mặt nhấp-nhô sóng đồng;
Bia xưa chúa Trịnh rêu phong,
Tháp thiêng đời Lý mơ-mòng bể dâu;
Nước trong đồng trắng bấy lâu,
Đàn hồng nương-náu bến Câu (1) đôi
Cảnh tình một áng nên thơ, [bờ;
Hiu-hiu ngọn gió vật-vờ cành thông.

Đ.

∴

### Tặng nhà sư

人世浮生算幾何
空將八垢自消磨
知君梵字清閒甚
笑我塵途利欲多
最未前身圓覺果
故教今翅伴才郎
若知天地長如此
悔不當前早出家

Kiếp phù-sinh được là bao,
Nỡ đem phiền-não cho hao lòng này;
Kìa người cửa Phật vui thay.
Lối trần mình những mê say đã chồn!
Hay xưa quả phúc chưa tròn,
Phong-hoa nên vướng hãy còn kiếp
Biết chăng trời đất thế này, [nay;
Cũng thà tu quách những ngày còn thơ.

### Nhân-tình đưa cho cô đào

(Tập Kiều)

*Lạ cho cái sóng khuynh-thành,*
*Đố ai dứt mối tơ mành cho xong;*
*Hở môi ra cũng thẹn thùng,*
*Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng.*

Lòng riêng riêng những,
Trách lòng sao hờ-hững với lòng thay;
Khúc đàn cầm sao khéo ngẩn-ngơ dây,
Trăm năm cũng một ngày tri-kỷ.

*Nhất phiến tài-tình thiên-cổ lụy,*
一片才情千古累
*Tân thanh đáo-để vị thùy thương;*
新聲到底爲誰傷
Tiện dây xin giở phiếm dốt lò hương,
Sẽ giở khúc chiến-trường cung Hán Sở.
Mặt nhìn mặt có điều gì ngờ nữa,
Sẽ gian tay cho mở khóa động-đào;
Những là nay ước mai ao,
Vườn hồng chi nỡ ngăn rào chim xanh;
Duyên kia có phụ chi tình.

### Cô đào đáp lại

*Đã hay chàng nặng vì tình,*
*Đạo tòng-phu lấy chữ trinh làm đầu;*
*Đã lòng hạ-cố đến nhau,*
*Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.*

Hãy xin thưa hết đã,
Dẫu một ngày cũng đã tiếng tương-tri;
Những ngoài ra ai có tiếc ai gì,
Điều nguyệt nọ hoa kia đừng vội ép.
Chất phong-phỉ giữ thói nhà băng-tuyết,
Nghĩa đá vàng sao nỡ ép mưa mây;
Thôi Trương kia đôi lứa đẹp ai tầy,
Quá chiều để mái tây hương lạnh-lẽo.
Lòng người kể bấy nay đà thiều-não,
Thôi còn thân ắt hẳn phải đền-bồi;
Nỉ-non đêm ngắn tình dài.

(1) *Bến đò Câu-tử giáp-giới hai huyện, một bên là Bình-lục, một bên là Duy-tiên, qua bến đò ấy độ ba cây số thì đến núi Long-đội.*

### Tự-trào

Kể tuổi năm nay mới bốn ba,
Nghĩ ta ta cũng gớm cho ta;
Đàn bao ngón cũ không buồn gảy,
Cờ những tay non phải chịu hòa;
Thơ cổ vài câu ngâm vỡ xóm,
Rượu suông lưng chén thét vang
Còn nhiều sự lâu sau này nữa, [nhà;
Quá lứa xuân-xanh cũng chửa già.

### Lục-thập tự-thọ

*Mảng vui quên cả cái già,*
*Giật mình tính lại nay đà sáu-mươi ;*
*Trẻ-trung vì tính hay chơi,*
*Ham mê thơ rượu biếng lười công-danh;*
*Trăm năm là kiếp phù-sinh,*
*Mà nay quá nửa đua tranh nỗi gì!*
*Ở đành chịu tiếng ngu-si,*
*Phúc duyên mặc để hóa-nhi chuyền vần.*

Nhân sinh bách tuế,
Tuổi sáu-mươi tuy thế đã già đâu!
Núi còn cao sông bể hãy còn sâu,
Còn thơ túi rượu bầu còn ngất-ngưởng.
*Hồng phấn kiều nhi ca thắng thưởng,*
紅粉嬌兒歌勝賞
*Bạch đầu lão phụ thoại đồng tâm;*
白頭老婦話同心
Lúc nhàn lại ôn lại mước thăng trầm,
Kìa giang-hải nọ sơn-lâm từng đã trải.
Đời quá nửa cớ sao chưa hết dại,
Đường công-danh theo mãi có duyên
Thôi thì thôi ngảnh mặt lảng tai đi, [gì!
Trò thế-cục đua chi cho nhọc xác.
Danh-lợi đó đã đàn sau gánh vác,
Thú cầm ca tửu lạc cứ giong chơi;
Bốn mươi năm nữa còn dài!

### CÂU ĐỐI

### Song thọ hí tác

Gương giai-lão soi chung, tôi ngắm tôi râu phơ tóc bạc, bà trông bà vú troắt má nheo, vẫn thói hữu-tình xưa, ngẫm truyện « phương phi », tiếc cái xuân-xanh đều ngảnh lại;

Truyện bách-niên kể-lể, bà trách tôi uống say nói dại, tôi chê bà ăn no ngủ kỹ, chúng mình vô-tích cả, bớt lời lầm-cầm, nọ đàn con trẻ nó trông lên.

### Phu-phụ đối thoại

Ông nó thực là hươu, kiếp nhân-sinh cái dại chẳng chừa thôi, giàu chửa bằng ai, sang chửa bằng ai, nào cờ nào bạc, nào rượu nào trà, nào thói đa-tình, người đã già đời còn dại mãi!

Bà mày có biết cóc, cuộc nhân-thế sự chơi là lãi đó, khen cũng mặc kệ, chê cũng mặc kệ, còn nước còn non, còn trăng còn gió, còn kho vô-tận, trời cho khỏe sức cứ chơi tràn!

HƯƠNG-SƠN

* * *

### Mừng Hương-sơn-ông thọ sáu-mươi

*Tràng văn xum họp những ngày,*
*Chửa bao lâu đã râu mày bạc phơ;*
*Tuổi già tính vẫn trai-lơ,*
*Người tôn rằng cụ ông vờ rằng cu.*
Ngẫm con tạo đãi nhà Nho cũng hậu,
Bọn hàn-nho không mấy cậu chết non
Mặc tha-hồ thiên-địa vần xoay, [ngay;
Cứ thủng-thẳng tháng ngày lên cõi thọ.
Túi thanh-bạch không không mà vẫn
Mùa phong-lưu góp đủ với trần-ai; [có,
Khi câu thơ *hề* đắc-ý, khi nét vẽ *hề* khoe tài, khi cung đàn *hề* ghẹo nguyệt, khi chén rượu *hề* cợt mai, khi trà chuyên răm ba chén, khi Kiều lấy một hai bài,
Nghèo như thế trần-ai ai đã dễ.
Nhắn các chị lầu hồng tuổi trẻ,
Chớ thấy ông tóc bạc ngại ông già;
Tuổi ông già nhưng tác vẫn chưa già,
Ngày như thần đêm lẩn-mẩn như ma,
Ông còn khỏe chị em ơi còn mỏi mệt.
Còn trời đất xuân còn chửa hết,
Nghèo mặc nghèo nghèo có chết ai đâu;
Càng nghèo ta sống càng lâu,
Chết non ai đó cái giàu mà chi?
Chúc ông bách tuế vi kỳ.

NGUYỄN THIỆU-TIÊN

# THỜI-ĐÀM

## PHÁP

**Pháp đương chế một thứ máy bay rất lạ.**

Ông Paul Dupuis de Rollegem là một nhà phi-hành trứ-danh trong hồi Âu-chiến, mới chế ra một thứ máy bay rất lạ. Thứ máy bay này không phải có động-cơ, không cần cánh quạt, nên không phải dùng đến «ét-săng», mà chỉ dùng một sức nổ để đun đi, khi bay, sức nổ ấy cứ phát ra liền liền mà đun đi mãi mãi.

Sức nổ này trước đã có một giáo-sư dùng chế ra một thứ pháo để bắn mình lên nguyệt-cầu, nay ông Paul Dupuis de Rollegem dùng chế vào máy bay ấy.

∴

## VẤN-ĐỀ HẠT SARRE

Thời-cục Âu-chiến hiện nay có vấn-đề hạt *Sarre* là quan-trọng hơn cả.

Đến 13 Janvier 1935 tới đây sẽ có cuộc đầu-phiếu trưng-cầu ý-kiến dân *Sarrois* xem dân ấy bằng lòng hạt *Sarre* sáp-nhập vào nước Pháp hay trở về nước Đức, hay là duy-trì chế-độ hiện-tại.

Nguyên sau cuộc đình-chiến năm 1918, theo như hòa-ước *Versailles* ký ngày 28 Juin 1919 thì Đức là nước bị thua phải nhượng-bộ quân Đồng-minh nhiều điều, trong những khoản nhượng-bộ ấy có khoản hạt *Sarre*. Theo hòa-ước *Versailles* thì hạt *Sarre* phải phân khỏi nước Đức và giao cho một ủy-ban của hội Quốc-liên quản-lý trong 15 năm. Trong hạn 15 năm ấy, nước Pháp được hưởng nhiều quyền-lợi nhất ở hạt *Sarre*, vì Pháp được khai những mỏ than đá trong hạt ấy. Hạt *La Sarre* tuy diện-tích được có 1912 cây số vuông, nhưng ở đấy người ta tìm ra được tới 100 mạch than đá, có thể khai được đến 12.500 triệu tấn than. Số than ấy của hạt *Sarre* cũng bằng một phần ba tất cả than khai được ở nước Pháp.

Số than nước Pháp khai được ở hạt *Sarre* chính là để bồi-thường cho Pháp về những khoản thiệt hại ở đất Pháp hồi Âu-chiến, nhưng chỉ được khai trong kỳ-hạn 15 năm mà thôi.

Đến hết năm 1934 này thì cái hạn 15 năm ấy hết, cũng tức là hết cái hạn quyền quản-lý hạt *Sarre* của ủy-ban hội Quốc-liên. Nhưng hạn ấy hết, hạt *Sarre* cũng chưa phải là trở về nước Đức ngay đâu, còn phải mở một cuộc quốc-dân đầu-phiếu để xem ý-kiến dân *Sarrois* họ muốn hạt ấy trở về với nước nào, hay là thuận cái chế-độ hiện-tại là chịu dưới quyền quản-trị của ủy-ban hội Quốc-liên.

60

Cuộc quốc-dân đầu-phiếu ấy sẽ mở vào ngày 13 Janvier 1935 này.

Hiện nay những dân *Sarrois* làm ăn ở ngoại-quốc kéo nhau về để bỏ phiếu đông lắm. Dân *Sarrois* tất cả được 86 vạn mà số dân ra ở ngoại-quốc có đến 55 ngàn.

Nước Pháp lấy làm lo ngại cho sự giữ trật-tự trong ngày đầu-phiếu, vì từ trước đến giờ đảng Quốc-gia xã-hội Đức đi cổ-động một cách hăng-hái lắm. Hội Quốc-liên phải cử một ủy-ban ba cường-quốc để giải-quyết vấn-đề giữ trật-tự ấy. Chính-phủ Đức đã thuận theo ý-kiến của ủy-ban, bằng lòng để binh-lính liệt-quốc vào đóng trong hạt *Sar* e trong khi đầu-phiếu để giữ-gìn trật-tự.

Theo như một tờ báo thì Pháp và Đức đã ký giao-hảo với nhau về hạt *Sarre*. Trong giao-hảo ấy có nói rằng nếu cuộc đầu-phiếu mà tán-thành cho Đức, thì Đức phải chuộc lại các mỏ của Pháp ở hạt *Sarre*. Sau cuộc đầu-phiếu, ủy-ban Quốc-tế còn cứ ở lại làm việc cho đến khi tình-hình được yên-ổn mới thôi. Những mối lợi của người Pháp ở hạt *Sarre* sẽ được Đức bảo-hộ cho. Tờ giao-hảo ấy rất được ngoại-quốc hoan-nghênh, vì đã chứng tỏ ra rằng dù kết-quả cuộc đầu phiếu thế nào cũng sẽ không phạm đến sự hòa-bình.

∴

## NAM-TƯ-LẠP-PHU

### Nam-tư-lạp-phu trục-xuất dân Hung.

Các độc-giả hẳn còn nhớ Nam-tư-lạp-phu tố-cáo Hung-gia-lị ở hội Quốc-liên về vụ ám-sát vua ALEXANDRE ở *Marseille*, Nam đồ tội cho Hung đã dung-túng và huấn-luyện bọn bạo-động lại cấp giấy thông-hành cho họ đi ra nước ngoài. Từ đó đến nay tình-thế đôi bên vẫn găng lắm. Mới đây Chính-phủ Nam-tư lạp-phu lại trục-xuất có đến 2.000 kiều-dân Hung.

∴

## XIÊM

### Chủ-nghĩa Hitler đã bành-trướng ở Xiêm.

Hiện nay ở Xiêm đã gây thành một chi-đảng đảng Quốc-gia xã-hội Đức để tuyên-truyền chủ-nghĩa HITLER, do ông R. GŒTTE làm lãnh-tụ. Đảng này người Đức gọi là « *Siamese German association* ». Mỗi đảng-viên đều lĩnh trách-nhiệm đi cổ-động, làm sách và chép lại những bài diễn-văn của HITLER để tuyên-truyền cho các quan chức lớn ở Xiêm.

Cuộc tuyên-truyền chủ-nghĩa HITLER ở Xiêm mỗi ngày một bành-trướng và hình như phần đông người Xiêm xu-hướng lắm. Ở các nhà trường, sự giáo-dục quân-sự đã bắt-buộc phải thi-hành, đó chính là cái kết-quả của cuộc tuyên-truyền ấy.

Thủ-tướng Xiêm là PHYA BAHOL và ông TAN-SIEW-MENG, hội-trưởng phòng Thương-mại Trung-hoa ở Xiêm được đảng ấy tặng làm danh-dự đảng-viên.

### Có lẽ Xiêm-hoàng không thoái-vị nữa.

Quốc-vụ-viện đã cử ba đại biểu sang Luân-đôn là nơi nhà vua hiện đương nghỉ dưỡng-bệnh để giải-nghĩa cho vua và yêu-cầu vua đừng thoái-vị. Vua đã tiếp ba vị đại-biểu tại biệt-thự

61

ở *Surrey*. Có lẽ cuộc điền-đình có kết-quả hay. Nhà vua đã cử quan Thủ-tướng PHYA BAHOL đi thương-thuyết với chính-phủ quốc-dân.

⁂

## HỘI QUỐC-LIÊN

### Ông Benès từ-chức Hội-trưởng

Ông BENÈS giữ ghế Hội-trưởng hội Quốc-liên đã lâu, nay vì có vụ Nam-tư-lạp-phu tố-cáo Hung-gia-lị, nên vừa rồi giữa phiên nhóm của mấy nước Tiểu-đồng-minh, ông đã tỏ ý nhất-định từ-chức hội-trưởng hội Quốc-liên trong lúc thảo-luận về vụ này. Có lẽ hội Quốc-liên sẽ cử ông VASCONCELLOS, đại-biểu Bồ-đào-nha, là nguyên hội-trưởng hội Quốc-liên vào thay ông BENÈS trong khi có cuộc thảo-luận về vụ nước Nam-tư-lạp-phu và nước Hung.

## THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

■

### Nhật thực-hành chính-sách di-dân sang miền đông-bắc nước Tàu,

Từ khi Nhật chiếm lấy miền Đông-bắc nước Tàu lập ra Mãn-châu-quốc, cứ số điều-tra thì bản-đồ của Mãn-châu hiện nay diện-tích có thể liệt vào hạng thứ bảy trong thế-giới.

Người Nhật quyết thực-hành kế-hoạch di-dân ở Nhiệt-hà, đem dân Nhiệt-hà dời sang Triều-tiên, đem dân Triều-tiên dời sang Nhiệt-hà, hạn định nhà nào có ba con phải dời đi hai, nhà nào có hai con phải dời đi một. Nếu chịu cả nhà dời đi, lại được bậu-đãi.

Người Nhật lại gom vốn ba nghìn vạn đồng, thiết-lập Di-dân-hội-xã. Trước họ do công-ty thiết-lộ Mãn-châu và chính-phủ Mãn-châu đều xuất ra ba trăm vạn mua đất-đai ở miền hạ-du sông Tùng-hoa, định qua mùa xuân năm tới đây thực-hành dời dân Nhật-bản và dân Triều-tiên qua ở miền đông-bắc nước Tàu. Lại nghĩ định kế-tục dự-toán kinh-phí tới năm nghìn vạn đồng, để hoàn-thành cuộc dời nông-dân Triều-tiên qua Bắc-Mãn. Dự-định trong mười năm cho được số di-dân hai-mươi vạn. Nếu nước Tàu không mau thu-phục được cõi Đông-bắc, thì sau đây mười năm sẽ hoàn-toàn hóa làm giống Nhật.

### Câu chuyện Trung Nhật thân-thiện

Tưởng Giới-Thạch vừa rồi có tiếp một nhà ký-giả của báo *Mỗi-nhật-tân-văn* ở Đại-bản, hỏi Tưởng về cái thái-độ Trung-quốc đối Nhật, giống như có chiều khuynh-hướng kế-tục đề-kháng. Lại nghe nói đến năm 1935 tới đây, nước Nhật đương cuốn vào vòng xoay quốc-tế phân-tranh, Trung-quốc sẽ thừa dịp mà đánh Nhật-bản một trận để trả thù, tin ấy có thực không?

Tưởng trả lời: Quốc-dân Trung-quốc vẫn có một bộ-phận có tư-tưởng ấy thật, song những người thấy rõ tình-hình thế-giới cùng đại-cục Viễn-đông, quyết không muốn có cuộc thế-giới chiến-tranh. Vì thế-giới hòa-bình tức là phúc cho miền Á-đông, mà cũng lợi

62

cho Trung-quốc. Trung-quốc không những không hi-vọng có cuộc nguy-cơ ấy, mà cũng thực-tâm không muốn có cuộc ấy.

Lại hỏi riêng về phần Tưởng đối với Nhật cảm-tưởng thế nào?

Tưởng nói giao-tình Trung Nhật cốt gây trên cái nền đạo-đức tín-nghĩa, và cho cái then máy ấy là tại Nhật-bản chứ không tại Trung-hoa...

Nay thấy báo *Mỗi-nhật-tân-văn* ở Đại-bản có một bài đầu đề: « Giả-diện ngoại-giao của Trung-quốc », trong có dẫn câu nói của Uông Tinh-Vệ (Hành-chính viện-trưởng Tàu): « Đối với Nhật-bản một mặt thì đề-kháng, một mặt thì giao-thiệp, nghĩa là biểu-diện giao-thiệp với Nhật, mà gặp cái dịp người Nhật sa vào cái cảnh nguy-hiểm giữa quốc-tế thì đổi ngay chính-sách lợi-dụng thực-lực Âu Mĩ mà đánh đổ Nhật-bản...»

Tờ báo Nhật dẫn chứng trên mà cho rằng Trung-quốc không có thành-ý thân-thiện với Nhật...

Bởi vậy nên một tờ báo Tàu, cũng bàn về vấn-đề Trung Nhật nói trên mà có câu: « Quốc-gia cũng không khác gì cá-nhân: Phỏng như tên Giáp chiếm-đoạt tài-sản sở-hữu của tên Ất, gây nên mối ác-cảm, mà muốn cho hai bên lại hòa-hảo như trước, trừ-phi Giáp trả lại tài-sản kia cho Ất, thì chẳng có phương gì khiến cho Ất vui lòng thân-thiện được... Mà dầu cho Ất vì tình thế ép-buộc, vì sức không địch lại, đành phải hòa-hảo với Giáp, mà thực lòng hòa-hảo đến trăm phần đi nữa, thì Giáp cũng không tin; không những không tin, lại còn nghi rằng Ất làm bộ như thế để chực cơ-hội mà giật của mình lại. Như vậy thì hiện-tình Trung Nhật, người Nhật không thể trách người Tàu là không có thành ý mà nên tự-trách lấy mình trước... »

Xem câu chuyện đàm-thoại của Tưởng Giới-Thạch đối với nhà báo Nhật và hai lời bình-phán của nhà báo Nhật với Tàu ở trên, thì biết cái cuộc thân-thiện Trung Nhật rất là khó-khăn, chửa dễ dã giải-quyết được.

## VIỆC TRONG NƯỚC

**Tin làng báo.** — Ngày mồng 1 *Décembre* 1934, Hội-đồng Chính-phủ họp ở Sài-gòn có nghị-định cho các báo được xuất bản:

Ông Nguyễn Quốc-Túy, Dân-biểu Trung-kỳ, xuất-bản tại Huế tờ báo quốc-ngữ nhan-đề « *Ánh-sáng* »;

Ông Bienvenu (Paul) ở Sài-gòn xuất-bản tại Nam-kỳ tờ nguyệt-báo chữ Pháp và quốc-ngữ nhan-đề « *L'Annoncier Indochinois* »;

Ông Trần Văn-Chi xuất-bản tại Nam kỳ tờ tuần-báo quốc-ngữ « *Tiểu-thuyết* »;

Ông Trần Phước-Phấn xuất-bản tại Nam-kỳ tờ tuần-báo quốc-ngữ « *Sống* »;

Ông Lê Hoằng-Mưu ở Sài-gòn xuất-bản tại Nam-kỳ tờ tuần-báo quốc-ngữ « *Thể-dục* »;

Ông Hồ Văn-Sao, chủ nhà in Mékong ở Sa-đéc, xuất-bản tại Nam-kỳ nhật-báo quốc-ngữ « *Công-thương* »;

63

Ông Lữ Thái-Bình, cựu Hội-đồng thành-phố Chợ-lớn xuất-bản tờ báo chữ Tàu nhan-đề « *Trung-Hoa* » ;

Ông Tôn Văn-Lâm ở Sài-gòn xuất-bản tờ tuần-báo quốc-ngữ « *Tân-thời* »;

Ông Alpha Viễn tức là Nguyễn Cao-Viễn ở Sài-gòn, xuất-bản tại Nam-kỳ tờ nhật-báo quốc-ngữ « *Thời-sự* » ;

Ông Lê Quang-Trinh, Hội-đồng Quản-hạt, xuất-bản tại Sài-gòn tờ nhật-báo quốc-ngữ « *Tân-tiến* » ;

Bà Mignon xuất-bản tờ nguyệt-báo chữ Tàu : « *Linh-Long* » :

Cô Clotide Trần thị-Hiệp được cải tờ tuần-báo « *Tân-Văn* » làm nhật-báo và xuất-bản tại Sài-gòn.

**Đường hỏa-xa Battambang — Mongkolborey nay thuộc về nhà nước.** — Đường hỏa-xa Battambang-Mongkolborey ở Cao-miên trước thuộc về công-ty hỏa-xa Nam-Đông-dương trông coi. Ngày 1 tháng 12 quan Toàn-quyền Robin theo ý quan Tổng Thanh-tra Công-chính, đã ký nghị-định lấy hẳn đường hỏa-xa này về Nhà-nước trông coi.

**Đại-hội-đồng Kinh-tế và tài-chính.** — Ngày 4 *Décembre* Đại-hội-đồng Kinh-tế và Tài-chính đã họp kỳ hội-đồng thường-niên 1934 tại phòng Thương-mại Sài-gòn, do quan phó Toàn-quyền Châtel thay mặt quan Toàn-quyền Robin làm chủ-tọa. Theo lệ thường sau khi nghe diễn-văn khai-mạc, Hội-đồng bầu ban trị sự :

Ông Malpuech làm Hội-trưởng ; hai ông Nguyễn Văn-Vĩnh và De Lacrevrotière làm phó hội-trưởng ; hai ông Neumann và Trần Văn-Khá làm thư-ký. Hội-đồng làm việc luôn đến ngày 21 mới bế-mạc.

**Lễ khánh-thọ đức Khôn-nguyên Thái-hoàng Thái-hậu.** — Ngày mồng 1 tháng 11 âm-lịch (7-12-34), tại Kinh-đô Huế làm lễ khánh-thọ đức Khôn-nguyên Thái-hoàng thái-hậu là thái-phi đức Đồng-khánh. Đức Khôn-nguyên có hạ chỉ bãi các cuộc trò chơi vui, để trích lấy 500 đồng bạc cấp cho dân bị nạn bão lụt Nghệ Tĩnh và Quảng-bình.

**Khánh-thành xe ô-tô chạy trên đường sắt.** — Ngày mồng 8 tại ga Hà-nội, công-ti hỏa-xa Vân-nam đã khánh-thành xe ô-tô chạy trên đường sắt (*Micheline*), trước đã chạy thử từ Hà-nội lên việt-trì. Tốc-lực của xe này từ 96 đến 160 trong một giờ, nhanh gấp hai gấp ba xe-lửa.

**Đức Bảo-đại chủ lễ khánh-thành máng nước An-trạch.** — Ngày 12, Đức Bảo-đại cùng quan Khâm-sứ Trung-kỳ đã đến chủ lễ khánh-thành máng nước ở An-trạch thuộc tỉnh Quảng-nam.

**Trường Bác-cổ tìm được bốn ngôi cổ-mộ.** — Hồi thượng-tuần tháng 12 này, trường Bác-cổ đã tìm được bốn ngôi cổ-mộ ở trên núi Và thuộc làng Nghi-vệ (Và) huyện Tiên-du tỉnh Bắc-ninh, có quan Thống-sứ Tholance, quan Giám-đốc trường Bác-cổ Cœdès, quan giáo-sư tại các Bảo-tàng viện ở *Paris* là ông Janse đều đến chứng-kiến để khai phá các cổ-mộ ấy, mộ nào cũng xây cuốn như tổ tò-vò, dài độ 5 thước tây, rộng 1 thước rưỡi, các thứ gạch xây, nghiệm ra là gạch tự đời Hán, đã hơn một nghìn năm nay, tìm trong các mộ thấy có nhiều bát đĩa và lọ cổ, có 24 cái lọ sành miệng bịt đồng gần chám-đường, cao 0 m 40, chu-vi 0 m 90, trong đựng

vật gì nặng, một người khỏe bưng cố sức mới nổi. Các đồ tìm được đã cho tải về trường Bác-cổ Hà-nội.

**Hội Phật-giáo.**— Hội Phật-giáo ở Hà-nội đã cử đại-biểu đến yết-kiến quan Thống-sứ THOLANCE, quan Võ-hiển HOÀNG TRỌNG-PHU, quan Đốc-lý VIRGITTI để dâng các ngài chức danh-dự hội-trưởng hội Phật-giáo. Các quan đều vui lòng nhận cả và đều hứa sẽ giúp công-việc cho hội được thịnh-vượng.

Các cơ-quan tổ chức của hội, ngoài ban trị-sự, hội lại đặt các ban như sau này: 1) Ban Cố-vấn vĩnh-viễn; 2 Ban Hộ-đạo do các già tổ-chức; 3) Ban Cổ-động; 4) Ban Trứ-thuật; 5) Ban Kiểm-soát tài-chính; 6) Ban Công-tác; 7) Ban Khánh-tiết; 8) Ban Hộ-niệm.

Hội lại dự-định kiến-thiết như sau này:

1° Dựng một ngôi chùa rất lớn để thờ Phật.

2° Dựng một pháp-bảo-viện, chứa các kinh-sách để nghiên-cứu về đạo Phật.

3° Dựng một giảng-đường, để cho tăng tục hội-viên học đạo.

4° Dựng một ngôi nhà tổ, gian giữa thờ tổ, hai bên thờ các vị hội-viên quá-cố.

5° Dựng một ngôi nhà hậu, để thờ các vị thiện-tín lập hậu.

6° Dựng một nhà hội-quán lớn, để tiếp khách và họp hội-đồng.

7° Dựng một dưỡng-bảo-viện, để nuôi những người già-yếu tàng-tật không có thân-thuộc cấp-dưỡng.

8° Dựng một tăng-phòng để chư-sư ở.

9° Mở một phúc-địa để làm nơi kỳ-táng cho thập-phương thiện-tín.

10° Dựng một nhà bi-đình lớn để kỷ-niệm các vị có đại-công-đức.

Hội đã chiêu-tập sư-tăng các chùa ở khắp các sơn-môn Bắc-kỳ, ngày 17 tháng 11 ta (23-12-1934) đều về họp một kỳ đại-hội-đồng thứ nhất tại chùa Quán-sứ Hà-nội để bàn việc chấn-hưng Phật-giáo. Có cử đại-biểu lên chùa Vĩnh-nghiêm (thuộc Bắc-giang) để mời sư tổ chùa ấy là vị sư có danh-vọng và nhiều tuổi (94 tuổi) nhất các sư Bắc-kỳ, đón về làm trưởng ban Chứng-minh đạo-sư của hội. Khi rước sư tổ Vĩnh-nghiêm về đến chùa Quán-sứ rồi, ông chánh Hội-trưởng hội Phật-giáo đọc bài diễn-văn:

*Bạch Tổ và các vị đại-đức,*

*Thưa liệt-quí,*

*Hôm nay tôi được cái hân-hạnh tiếp Tổ cùng chư-tăng ở chùa này, là vì anh em trong hội đã có lòng tin cậy, cử tôi làm Hội-trưởng Phật-giáo-hội. Tôi xin thay mặt cả hàng Hội mà chúc mừng Tổ và chư-tăng, không quản đường-sá xa-xôi, về đây để tỏ lòng hợp-tác với chúng tôi, mà chỉnh-đốn một việc khó-khăn, là việc chấn-hưng Phật-giáo ở xứ ta ngày nay.*

*Chúng tôi sở-dĩ dám lên xin Chính-phủ lập ra hội Phật giáo này, là không có lòng gì cạnh-tranh với ai, mà cũng không có ý gì muốn làm thiệt-hại cho ai cả. Chúng tôi chỉ vì cái lòng tin đạo Phật là đạo rất mầu-nhiệm, thấu tới cái cơ huyền-bí và sự biến-hóa bất-thường của tạo-hóa, và đem cái sáng vô-thượng mà phá tan sự mờ tối nó làm cho chúng-sinh phải hôn-mê, trầm-luân ở chỗ bể khổ. Chúng tôi tin như vậy, và lại biết rằng đạo Phật đã truyền-bá sang xứ ta từ đời Hán Đường, rồi trải qua những quốc-triều như Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê đến ngày nay kể có hai ngàn năm. Biết bao nhiêu những vị cao-tăng và những bậc hiền-triết đem hết tâm-*

trí chuyên-chú vào việc làm cho sáng rõ đạo Phật. Hiện hãy còn có những điển-cố và những di-tích lưu-truyền ở những nơi danh-lam thắng-cảnh, làm cái chứng rất rõ-rệt vậy.

Chúng tôi biết thế, mà lại thấy đạo ấy ở xứ ta ngày nay có phần mỗi ngày một suy-đồi, cái lòng thị-dục của nhân-chúng càng ngày càng bốc mạnh lên, đến nỗi phần nhiều người vẫn theo đạo Phật mà không hiểu rõ cái uyên-nguyên của đạo Phật là thế nào, để cho sự mê-tín che lấp mất cái phật-tính sáng-suốt ở trong lòng người ta. Thành thử sự lễ bái ở chùa chiền, của phần nhiều người cũng chỉ là một sự mê-hoặc mà thôi. Sự tín-ngưỡng đã thấp xuống đến cái trình-độ ấy, thì thường là người ta chỉ biết có cái hình-thức bề ngoài, còn tinh-thần sâu-xa ở trong thì tiêu-tán đi đâu mất cả.

Có người bảo rằng đạo Phật làm cho người nhu-nhược đi; nhưng xét cho kỹ ra, đạo Phật là đạo từ-bi bác-ái, nhưng trong cái đạo từ-bi bác-ái ấy có cái sức dũng-mãnh tinh-tiến, khiến người ta ai đã có cái tín-lực tinh-thuần, thì có thể làm cho ta có cái nghị-lực rất mạnh mà đi vào con đường tiến-thủ, cả về mặt đạo-đức và mặt vật-chất. Xem ngay như trong lịch-sử nước nhà, đời Lý và đời Trần, là đời rất sùng đạo Phật, mà người mình thủa ấy không có điều gì tỏ ra là hèn yếu cả. Lại xem như Nhật-bản bây giờ không mấy người là không theo đạo Phật, thế mà cái khí-thế của họ mạnh-mẽ biết là dường nào! Xem vậy thì biết đạo Phật đối với cuộc nhân-sinh rất có lợi. Người đã biết rõ đạo ấy là người muốn ra sức làm việc, muốn làm điều lành, điều phải, để gây nên quả-phúc cho mình và cho người. Ai cũng muốn noi cái gương đức Quan-âm tự-tại, ngài phát-thệ không chịu nhập Nát-bàn, để ở cõi trần mà cứu-tế muôn chúng. Chư Phật còn không nỡ riêng hưởng cái cảnh thú an-lạc tĩnh-mịch ở nơi Nát-bàn, còn muốn ra tay tế-độ chúng-sinh, huống chi chúng ta là người phàm, ở trong đám mờ-tối, chịu trăm đường cực khổ, lẽ nào lại nghe thấy tiếng kêu khóc của đồng-loại, mắt trông thấy sự lầm-than của chúng-sinh, mà lại điềm-nhiên không động lòng đau xót hay sao?

Bởi cái lòng đau xót ấy, cho nên chúng tôi rủ nhau lập ra Phật-giáo-hội, mong rằng ta gây thành một cái cơ-quan sau này, sẽ dần-dần tìm cách làm cho sáng rõ cái chân-lý ra, như vầng mặt trời bị mây mù che lối đi, lại hiện ra vằng-vặc trên không, để cho muôn loài lại trông thấy ánh sáng vậy.

Đó là cái sở-nguyện của chúng tôi. Nhưng cái sở-nguyện ấy mà có thành-tựu được là cũng phải nhờ sức của chư-tăng, đem lòng thành-thực mà giúp chúng tôi. Tăng với tục đồng-tâm hiệp-lực, cố sức mở rộng đạo Phật ra, làm thành một tôn-giáo có trật-tự, có học-vấn, khiến cho sự tín-ngưỡng của nhân-chúng được sở-cứ vào chỗ chắc-chắn vững-vàng. Ai nấy sẽ biết theo con đường dũng-mãnh tinh-tiến mà bước lên, và đem lòng từ ái mà thi-hành ra ở đời, để bớt được nhiều nỗi khổ sở ở cõi trần này.

Việc quan-trọng ấy chúng tôi đã cẩn-nhắc cẩn-thận, lại nhờ ơn Chính-phủ đã thể-tình mà cho phép lập hội, chúng tôi lại mong rằng Tổ và chư-tăng đây là bậc đại-đức trong tăng-giới, rõ cái lòng mộ-đạo của chúng tôi, không lấy việc khó-khăn mà từ-chối, thể cái lòng Phật chí-công-vô tư, mà giúp Hội chúng tôi cho đạt tới mục-đích. Được như thế thì cái công-đức của Tổ và chư-tăng đối với hội Phật-giáo này, không phải là nhỏ, mà đối với tôn-chỉ của đạo Phật, lại rất là chính-đáng vậy.

Sau này chúng tôi sẽ trình Tổ và chư-tăng những điều-lệ của hội Phật-giáo đã được Chính-phủ duyệt-y rồi, và xin mời Tổ cùng chư-tăng vào hội, rồi cử ra một « ban đạo-sư » và mấy viên cố-vấn, vào ban Trị-sự theo như điều-lệ đã định, để Hội sẽ được tiến-hành, khỏi phụ cái lòng mong-mỏi của nhiều người.

*Phật-giáo vạn-tuế!*

Ông chánh Hội-trưởng đọc vừa xong, sư tổ Vĩnh-nghiêm nói mấy lời cám ơn quan Hội-trưởng cùng các hội-viên trong Hội, rồi ủy sư cụ Phúc-Chỉnh đọc bài đáp lại, đại-khái nói : « Phật-giáo gặp hồi mạt-vận, Phật-pháp ngày một suy vi, trong lòng người ta làm mờ-tối mất cả Phật-tính ; kẻ tu-hành thì có người chỉ mượn tiếng Phật để mưu lợi riêng, nay nhờ liệt-quí vì thế-đạo nhân-tâm mà lập ra Hội này để trùng-hưng Phật-pháp, thật lấy làm mừng ! » Đoạn dưới nói xin phép hội để ngỏ mấy lời cùng chư-tăng, đại-khái rằng :

« Chư-tăng, cùng bần-đạo là đệ-tử Phật, cái trách-nhiệm nội-hộ để truyền Phật tâm-ấn, phụng-tuyên Tam-tạng thánh-giáo để lấy làm Phật-pháp cương-kỷ, nhiều người bấy lâu vẫn tùy tâm tùy lực riêng mà ra công chống-chọi với cái dối-ba của đạo Phật trong lúc vận-tàn, nay trên có Đại-Nam Hoàng-đế và Chính-phủ Bảo-hộ thể-tình cho phép lập-thành hội Phật-giáo, trong chư-tăng có ít người chót làm sai tôn-chỉ đạo Phật thì nên kịp cải-tà qui-chính, còn ra thì nên lấy cái nghĩa lục-hòa của Phật, bỏ hết mọi sự hiềm-khích của tông nọ phái kia, một lòng sùng-bái đức Phật-tổ chí tôn, ra công bảo-trợ cho hội Phật-giáo làm nên vạn-vạn toàn-phúc, để Phật-lý ngày một xương-minh, cho quần-sinh được vui-vẻ nương-nhờ dưới bóng bồ-đề mà thoát khỏi vòng trầm-luân khổ-hải, ấy là cái lòng sở-nguyện của kẻ sơn-tăng đạo mỏng đức bạc này.»

Chiều hôm ấy có cuộc các sư họp hội-đồng để bầu ban Chứng-minh đạo-sư và ba vị cố-vấn sung vào ban Quản-trị hội Phật-giáo.

**Lễ gắn Bắc-đẩu bội-tinh cho quan Tổng-đốc Nguyễn Bá-Trác.** — Ông Nguyễn Bá-Trác là nguyên chủ-bút phần Hán-văn của bản-chí, từ khi xuất-chính, trải qua Tá-lý bộ Học, Thị-lang bộ Binh, Bố-chính Bình-định, Tuần-phủ Quảng-ngãi, Tổng-đốc Thanh-hóa đến nay, được Chính-phủ thưởng đệ-ngũ-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh, ngày 14 tháng 12 năm 1934 tại dinh Tổng-đốc Thanh-hóa đã làm lễ gắn bội-tinh ấy. Bản-chí đồng nhân đều có lời kính mừng.

**Các hàng tơ lụa bỏ họp chợ Hà-nội về họp chợ Hà-đông.** — Các hàng the lụa lượt lĩnh xưa nay vẫn họp chợ ở phố Hàng Đào Hà-nội mà chịu thuế chợ mỗi tấm hàng 4 xu, ngày 26 tháng 10 ta (2-12 tây), vì thành-phố Hà-nội tăng thuế chợ cứ 15 thước tây hàng thu 4 xu, nên các hàng tấm bảo nhau thôi họp chợ ở Hàng Đào mà về họp chợ tại đình làng Vạn-phúc Hà-đông. Phiên mồng 1 tháng 11 ta (7-12-1934) những người có hàng tấm ở các làng La, Mỗ, Bưởi đều đến đình Vạn-phúc họp đông ; các hàng bán tơ và các người buôn hàng ở Hà-nội và các nơi cũng đến bán mua đông lắm, cứ lời người làng Vạn-phúc nói mỗi phiên chợ các nơi đem bán tổng cộng có tới 14.000 tấm hàng, tổng giá độ 42.000 đồng bạc.

Quan Tổng-đốc Hà-đông đồng-ý với quan Công-sứ đã định cho họp chợ tơ lụa tại Chợ Đơ vào ngày 1 và ngày 6 bắt đầu từ 21 tháng 11 ta (7-1-1934), chứ không cho họp ở đình làng Vạn-phúc nữa, hiện đã hiểu-dụ cho dân biết-

67

## Giới-thiệu sách mới

**Quốc-văn sơ-học độc-bản.** — In lần thứ tư, ông Nguyễn Đức-Phong biên-tập, ông Dương Bá-Trạc nhuận-sắc, dùng làm sách tập-đọc cho học-sinh các lớp Trung-đẳng và Cao-đẳng các trường Kiêm-bị, gồm có 95 bài trích ở những danh-văn cổ và kim. Cách xếp đặt có phương-pháp. Đã được Hội-đồng học-chính Bắc-kỳ nhận làm sách giáo-khoa, và được đức Bảo-đại, quan cố Toàn-quyền PASQUIER, quan Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục Phạm-Quỳnh ban khen.

Sách dày 238 trang, Nam-ký thư-quán xuất-bản, giá : 0 $ 60,

Xin giới-thiệu cùng chư-tôn độc-giả.


NAM-PHONG TỦNG-THƯ

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài)

*Mới xuất-bản :*

*Tuồng Lôi-xích.* giá 4 hào.

*Xuất-bản từ trước :*

1.— Văn-minh-luận 4 hào.
2.— Ba tháng ở Paris 4 hào.
3.— Văn-học nước Pháp 4 hào.
4.— L'Idéal du Sage 4 hào.
5.— Chính-trị nước Pháp :
Quyển thứ I 4 hào.
Quyển thứ II 5 hào.
6.— Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7.— Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8.— Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9.— Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10.— Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai) 5 hào.
11.— La Poésie annamite. 4 hào.
12.— Tục-ngữ ca-dao. 4 hào.